VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 22/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2017 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang

(Tiếp theo Công báo số 709 + 710)

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Cây Trôm	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 52' 57"	105° 14' 40"					C-48-55-B-a
ấp Giồng Đá	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 53' 49"	105° 14' 54"					C-48-55-A-b
ấp Láng Sen	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 53' 31"	105° 15' 27"					C-48-55-B-a
ấp Láng Sơn	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 54' 09"	105° 15' 36"					C-48-55-B-a
ấp Rạch Củ	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 55' 29"	105° 14' 28"					C-48-55-A-b
ấp Tà Yểm	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 54' 45"	105° 14' 02"					C-48-55-A-b
ấp Trần Tác Chiến	DC	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng	9° 54' 49"	105° 14' 56"					C-48-55-A-b
Kênh 6 Thước	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 14' 22"	9° 52' 41"	105° 15' 09"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Ba Bằng	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 54"	105° 16' 24"	9° 53' 56"	105° 15' 31"	C-48-55-B-a
kênh Bảy Hiên	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 55' 06"	105° 14' 40"	9° 54' 57"	105° 14' 04"	C-48-55-A-b
kênh Cây Trôm	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 55"	105° 14' 42"	9° 53' 06"	105° 14' 22"	C-48-55-A-b
kênh Cây Trôm Nhánh	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 14' 22"	9° 52' 44"	105° 15' 12"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Chưng Bầu	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b
kênh Giồng Đá	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 55' 06"	105° 14' 39"	9° 52' 48"	105° 13' 03"	C-48-55-A-b
kênh KH3	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 54' 51"	105° 16' 59"	9° 52' 55"	105° 13' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Láng Sơn	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 54' 35"	105° 15' 34"	9° 53' 34"	105° 15' 24"	C-48-55-B-a
kênh Miếu Ông Tà	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 34"	105° 15' 24"	9° 53' 10"	105° 15' 39"	C-48-55-B-a
Rạch Chanh	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 53' 10"	105° 15' 39"	C-48-55-B-a
Rạch Cũ	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 55' 46"	105° 14' 42"	9° 55' 07"	105° 14' 47"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Giồng Đá	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 37"	105° 13' 36"	9° 54' 29"	105° 15' 18"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
sông Giồng Riềng	TV	xã Bàn Thạch	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
ấp Cây Huệ	DC	xã Hòa An	H. Giồng Riềng	9° 52' 19"	105° 26' 55"					C-48-55-B-d
ấp Kênh Tràm	DC	xã Hòa An	H. Giồng Riềng	9° 54' 05"	105° 27' 36"					C-48-55-B-b
ấp Thác Lác	DC	xã Hòa An	H. Giồng Riềng	9° 53' 13"	105° 26' 29"					C-48-55-B-d
ấp Trảng Tranh	DC	xã Hòa An	H. Giồng Riềng	9° 54' 58"	105° 26' 22"					C-48-55-B-b
ấp Xẻo Dầu	DC	xã Hòa An	H. Giồng Riềng	9° 53' 41"	105° 25' 40"					C-48-55-B-b
kênh 12 Cũ	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 15"	105° 28' 31"	C-48-55-B-b
Kênh Bà	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 55' 16"	105° 26' 12"	9° 54' 16"	105° 26' 54"	C-48-55-B-b
kênh Bà Đầm	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 55' 54"	105° 26' 52"	9° 54' 39"	105° 27' 27"	C-48-55-B-b
kênh Bào Cổng	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 35"	105° 28' 40"	C-48-55-B-b
kênh Bờ Lu	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 53' 13"	105° 26' 31"	9° 52' 49"	105° 25' 46"	C-48-55-B-b
kênh Bốn Thước	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 56' 15"	105° 27' 17"	9° 54' 57"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
kênh Bốn Thước	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 54' 11"	105° 27' 28"	9° 53' 00"	105° 25' 37"	C-48-55-B-b
kênh Cầu Kè	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 53' 43"	105° 28' 07"	9° 52' 48"	105° 26' 40"	C-48-55-B-b
kênh KH7	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b
kênh KH7-12	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 55' 05"	105° 23' 40"	9° 54' 05"	105° 25' 41"	C-48-55-B-b
kênh KH7-13	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 55' 51"	105° 24' 08"	9° 54' 42"	105° 26' 09"	C-48-55-B-b
kênh KH7-14	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 56' 38"	105° 24' 35"	9° 55' 25"	105° 26' 40"	C-48-55-B-b
kênh Lộ Tử	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 54' 33"	105° 27' 19"	9° 53' 50"	105° 27' 36"	C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lộ Tử	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 53' 05"	105° 26' 16"	9° 52' 25"	105° 26' 45"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
Kênh Trà	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 52' 48"	105° 26' 40"	9° 52' 29"	105° 25' 57"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
Kênh Tràm	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 13"	105° 26' 31"	C-48-55-B-b
kênh Trảng Tranh	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 54' 57"	105° 27' 53"	9° 53' 14"	105° 25' 27"	C-48-55-B-b
kênh Xẻo Sao	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 54' 25"	105° 25' 56"	9° 52' 11"	105° 26' 48"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
rạch Cái Bé	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 52' 13"	105° 27' 25"	9° 52' 05"	105° 26' 42"	C-48-55-B-d
rạch Thác Lác	TV	xã Hòa An	H. Giồng Riềng			9° 53' 58"	105° 24' 51"	9° 51' 26"	105° 27' 07"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
ấp Bảy Bền	DC	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng	9° 53' 21"	105° 28' 36"					C-48-55-B-b
ấp Hòa Mỹ	DC	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng	9° 53' 25"	105° 29' 16"					C-48-55-B-b
ấp Hòa Phú	DC	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng	9° 51' 30"	105° 27' 13"					C-48-55-B-d
ấp Hòa Tân	DC	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng	9° 52' 45"	105° 28' 17"					C-48-55-B-b
ấp Hòa Thành	DC	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng	9° 52' 03"	105° 27' 43"					C-48-55-B-d
ấp Kênh Giữa	DC	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng	9° 51' 26"	105° 29' 36"					C-48-55-B-d
kênh Lý Kỳ	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 40"	105° 27' 18"	9° 50' 47"	105° 27' 49"	C-48-55-B-d
Kênh 12	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 35"	105° 28' 40"	9° 52' 27"	105° 31' 10"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
Kênh 12 Cũ	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 15"	105° 28' 31"	C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 14	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 36"	105° 31' 09"	9° 51' 51"	105° 30' 53"	C-48-56-A-c
Kênh 14	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 00"	105° 28' 23"	9° 51' 51"	105° 30' 53"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d; C-48-56-A-c
Kênh 1200	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 54' 59"	105° 30' 01"	9° 50' 57"	105° 27' 28"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Bào Cổng	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 50"	105° 27' 37"	9° 53' 35"	105° 28' 40"	C-48-55-B-b
kênh Cầu Gòn	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 22"	105° 28' 34"	9° 52' 15"	105° 31' 04"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Cây Da	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 50"	105° 28' 60"	9° 52' 18"	105° 28' 16"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Đường Láng	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 09"	105° 28' 37"	9° 50' 51"	105° 29' 54"	C-48-55-B-d
kênh Đường Láng	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 20"	105° 27' 54"	9° 52' 11"	105° 28' 35"	C-48-55-B-d
kênh Giáo Điều	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 07"	105° 27' 43"	9° 49' 50"	105° 28' 07"	C-48-55-B-d
Kênh Giữa	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 11"	105° 28' 36"	9° 50' 26"	105° 29' 13"	C-48-55-B-d
kênh KH8	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 30' 56"	9° 53' 03"	105° 28' 25"	C-48-55-B-b
kênh KH9	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 37"	105° 31' 42"	9° 49' 50"	105° 28' 06"	C-48-55-B-d; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Nhà Băng	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 54' 04"	105° 28' 53"	9° 52' 58"	105° 31' 24"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Ông Bang	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 11"	105° 28' 35"	9° 51' 24"	105° 30' 49"	C-48-55-B-d; C-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ông Tà	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 50' 47"	105° 27' 49"	9° 49' 56"	105° 27' 16"	C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 54' 50"	105° 32' 15"	9° 51' 51"	105° 30' 53"	C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
Kênh Ranh	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 36"	105° 31' 09"	9° 50' 10"	105° 28' 29"	C-48-55-B-d; C-48-56-A-c
Kênh Ranh	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 00"	105° 27' 23"	9° 49' 47"	105° 27' 15"	C-48-55-B-d
kênh Tám Phó	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 19"	105° 27' 00"	9° 51' 00"	105° 27' 23"	C-48-55-B-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 28"	105° 28' 00"	9° 52' 13"	105° 27' 25"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Trà Tư	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 11"	105° 28' 29"	9° 52' 05"	105° 30' 59"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Xẻo Tra	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 16"	105° 28' 19"	9° 50' 10"	105° 28' 29"	C-48-55-B-d
rạch Cái Bé	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 52' 13"	105° 27' 25"	9° 52' 05"	105° 26' 42"	C-48-55-B-d
rạch Thác Lác	TV	xã Hòa Hưng	H. Giồng Riềng			9° 53' 58"	105° 24' 51"	9° 51' 26"	105° 27' 07"	C-48-55-B-d
ấp Hòa A	DC	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng	9° 56' 16"	105° 29' 55"					C-48-55-B-b
ấp Hòa B	DC	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng	9° 54' 59"	105° 29' 21"					C-48-55-B-b
ấp Hòa Bình	DC	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng	9° 54' 17"	105° 29' 03"					C-48-55-B-b
ấp Hòa Hiệp	DC	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng	9° 55' 35"	105° 29' 36"					C-48-55-B-b
ấp Hòa Lộc	DC	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng	9° 56' 37"	105° 29' 59"					C-48-55-B-b
Kênh 1200	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 59"	105° 30' 01"	9° 50' 57"	105° 27' 28"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 3 Thước	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 48"	105° 28' 45"	9° 54' 57"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
kênh Ba Hòn	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 36"	105° 28' 38"	9° 56' 34"	105° 30' 01"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Ba Xéo	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 19"	105° 29' 27"	9° 54' 12"	105° 31' 58"	C-48-56-A-a
kênh Bốn Thước	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 15"	105° 27' 17"	9° 54' 57"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
kênh Bốn Trăm	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 49"	105° 29' 56"	9° 55' 32"	105° 29' 48"	C-48-55-B-b
kênh Cả Sĩ	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 23"	105° 29' 02"	9° 53' 16"	105° 31' 32"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Cây Giông	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 53' 31"	105° 31' 35"	9° 53' 28"	105° 31' 38"	C-48-56-A-a
Kênh Cũ	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 44"	105° 30' 06"	9° 55' 28"	105° 29' 57"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Hai Đáo	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 37"	105° 29' 36"	9° 54' 29"	105° 32' 06"	C-48-56-A-a
kênh Hội Đồng Thơm	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 53"	105° 29' 15"	9° 53' 43"	105° 31' 45"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh KH7	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b
kênh KH8	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 30' 56"	9° 53' 03"	105° 28' 25"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh KH9	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 53' 37"	105° 31' 42"	9° 49' 50"	105° 28' 06"	C-48-55-B-d; C-48-56-A-a; C-48-56-A-c
kênh Mười Đính	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 40"	105° 30' 03"	9° 55' 55"	105° 30' 48"	C-48-56-A-a
kênh Năm Kỉnh	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 53"	105° 28' 57"	9° 55' 54"	105° 29' 43"	C-48-55-B-b
kênh Nhà Băng	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 54' 04"	105° 28' 53"	9° 52' 58"	105° 31' 24"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Ranh	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			10° 04' 27"	105° 21' 44"	9° 54' 50"	105° 32' 15"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Sáu Háp	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 55' 56"	105° 29' 44"	9° 55' 03"	105° 30' 04"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Thầy Dòng	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 10"	105° 28' 26"	9° 55' 25"	105° 29' 30"	C-48-55-B-b
kênh Thầy Dòng	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 22"	105° 28' 00"	9° 55' 45"	105° 29' 01"	C-48-55-B-b
kênh Trà Cũ	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 10"	105° 28' 26"	9° 56' 22"	105° 29' 50"	C-48-55-B-b
kênh Trà Mới	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 57' 43"	105° 28' 17"	9° 56' 18"	105° 29' 54"	C-48-55-B-b
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-b; C-48-56-A-a
kênh Xẻo Bè	TV	xã Hòa Lợi	H. Giồng Riềng			9° 56' 40"	105° 27' 33"	9° 54' 36"	105° 29' 07"	C-48-55-B-b
ấp Bình Quang	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 49' 49"	105° 23' 56"					C-48-55-B-d
ấp Hòa An	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 51' 03"	105° 21' 29"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Bình	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 43"	105° 23' 27"					C-48-55-B-d
ấp Hòa Kháng	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 33"	105° 22' 20"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Lợi	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 49' 25"	105° 24' 51"					C-48-55-B-d
ấp Hòa Sơn	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 52' 22"	105° 21' 08"					C-48-55-B-c
ấp Mương Đào	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 06"	105° 24' 52"					C-48-55-B-d
ấp Voi Sơn	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 45"	105° 25' 36"					C-48-55-B-d
ấp Xẻo Cui	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 20"	105° 26' 04"					C-48-55-B-d
ấp Xẻo Lùng	DC	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 56"	105° 26' 42"					C-48-55-B-d
Đường tỉnh 963	KX	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-d
chùa Dân An	KX	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng	9° 50' 12"	105° 24' 20"					C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bảy Trăm	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 20"	105° 26' 55"	9° 50' 41"	105° 26' 20"	C-48-55-B-d
kênh Bộ Vị	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 23' 04"	9° 50' 21"	105° 22' 43"	C-48-55-B-d
kênh Cái Xắng	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 40"	105° 27' 08"	9° 50' 57"	105° 26' 38"	C-48-55-B-d
kênh Chòm Mã	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 00"	105° 26' 06"	9° 50' 58"	105° 26' 40"	C-48-55-B-d
kênh Hai Hùng	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 01"	105° 22' 55"	9° 50' 51"	105° 23' 13"	C-48-55-B-d
kênh Hai Hy	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 12"	105° 21' 09"	9° 51' 28"	105° 21' 53"	C-48-55-B-c
kênh Hai Úc	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 21"	105° 22' 43"	9° 49' 32"	105° 23' 32"	C-48-55-B-d
kênh Hội Đồng	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 06"	105° 22' 40"	9° 49' 48"	105° 21' 49"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh KH5	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c
kênh KH6	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c
kênh Lộ 62	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 29"	105° 27' 19"	9° 51' 10"	105° 26' 55"	C-48-55-B-d
kênh Lung Nia	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 48' 47"	105° 25' 03"	9° 49' 28"	105° 27' 20"	C-48-55-B-d
kênh Ông Dèo	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 50' 16"	105° 24' 10"	C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 00"	105° 27' 23"	9° 49' 47"	105° 27' 15"	C-48-55-B-d
Kênh Tắc	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 46"	105° 25' 24"	9° 50' 46"	105° 24' 51"	C-48-55-B-d
kênh Tổng Lộc	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 28"	105° 20' 54"	9° 51' 03"	105° 21' 22"	C-48-55-B-c
kênh Xáng Chợ Mới	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 48' 21"	105° 22' 39"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-d
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-d
kênh Xẻo Lùng	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 36"	105° 26' 50"	9° 51' 06"	105° 26' 49"	C-48-55-B-d
ngọn Sáu Kim	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 49' 34"	105° 22' 57"	9° 50' 33"	105° 20' 35"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Bé	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
Sông Cũ	TV	xã Hòa Thuận	H. Giồng Riềng			9° 51' 04"	105° 26' 47"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-d
ấp Bến Nhứt	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 51"	105° 14' 27"					C-48-55-B-c
ấp Cây Bàng	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 53"	105° 16' 57"					C-48-55-B-c
ấp Cỏ Khía	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 14"	105° 12' 37"					C-48-55-A-d
ấp Đồng Tràm	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 17"	105° 14' 25"					C-48-55-A-d
ấp Đường Gỗ Lộ	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 48"	105° 15' 18"					C-48-55-B-c
ấp Đường Gỗ Vàm	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 32"	105° 15' 38"					C-48-55-B-c
ấp Đường Xuồng	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 56"	105° 12' 56"					C-48-55-A-d
ấp Năm Hải	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 16"	105° 13' 30"					C-48-55-A-d
ấp Ngã Con	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 13"	105° 13' 38"					C-48-55-A-d
ấp Xẽo Chác	DC	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 28"	105° 13' 15"					C-48-55-A-d
Quốc lộ 61	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-d
Đường tỉnh 963B	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
cầu Bến Nhứt	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 56"	105° 14' 16"					C-48-55-A-d
Công ty Mía Đường Kiên Giang	KX	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 08"	105° 14' 07"					C-48-55-A-d
Kênh 6 Thước	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 12"	105° 14' 09"	9° 52' 28"	105° 15' 46"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
kênh Bến Nhứt Giồng Riềng	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 54' 23"	105° 18' 41"	9° 50' 56"	105° 14' 19"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bốn Thước	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 48' 23"	105° 13' 40"	9° 48' 10"	105° 12' 30"	C-48-55-A-d
kênh Cây Bàng	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 32"	105° 15' 35"	9° 50' 55"	105° 17' 04"	C-48-55-B-c
kênh Cây Dừa	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 17' 04"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Chưng Bầu	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-d
kênh Cỏ Khía	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 33"	105° 13' 54"	9° 49' 05"	105° 12' 18"	C-48-55-A-d
kênh Đường Trâu	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 39"	105° 13' 02"	9° 50' 47"	105° 12' 56"	C-48-55-A-d
kênh Đường Trâu	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 10"	105° 12' 54"	9° 49' 07"	105° 12' 24"	C-48-55-A-d
kênh Đường Xuồng	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 54"	105° 14' 17"	9° 47' 50"	105° 14' 04"	C-48-55-A-d
Kênh Huế	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 16"	105° 14' 50"	9° 50' 17"	105° 14' 24"	C-48-55-A-d
kênh KH3	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 54' 51"	105° 16' 59"	9° 52' 55"	105° 13' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Long Thạnh - Vĩnh Thạnh	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 09"	105° 14' 36"	9° 50' 32"	105° 15' 35"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
kênh Lung Ranh	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 47' 45"	105° 12' 43"	9° 47' 50"	105° 12' 03"	C-48-55-A-d
kênh Mười Cồ	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 21"	105° 13' 14"	9° 50' 10"	105° 12' 54"	C-48-55-A-d
kênh Tập Đoàn	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 03"	105° 12' 35"	9° 48' 11"	105° 12' 38"	C-48-55-A-d
kênh Thủy Liễu - Đường Xuồng	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 49' 04"	105° 13' 59"	C-48-55-A-d
rạch Chắc Kha	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 16"	105° 14' 43"	9° 51' 34"	105° 12' 53"	C-48-55-A-d
rạch Cỏ Khía	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 23"	105° 11' 55"	9° 47' 48"	105° 12' 33"	C-48-55-A-d
rạch Đường Xuồng	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 10"	105° 14' 29"	9° 49' 26"	105° 13' 58"	C-48-55-A-d
rạch Long Ruộl	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 00"	105° 12' 51"	9° 47' 45"	105° 12' 43"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Nuôl Mao	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 03"	105° 13' 11"	9° 47' 35"	105° 13' 18"	C-48-55-A-d
rạch Xẻo Chác	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 29"	105° 13' 26"	9° 49' 26"	105° 13' 30"	C-48-55-A-d
sông Cái Bé	TV	xã Long Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
ấp Cái Đuốc Lớn	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 19"	105° 22' 05"					C-48-55-B-a
ấp Cái Đuốc Nhỏ	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 20"	105° 22' 38"					C-48-55-B-d
ấp Ngọc An	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 14"	105° 21' 21"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Bình	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 11"	105° 21' 47"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Tân	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 07"	105° 23' 01"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Thạnh	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 54' 27"	105° 19' 30"					C-48-55-B-a
ấp Võ Thành Nguyên	DC	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 17"	105° 18' 56"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
cầu KH5	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 14"	105° 21' 24"					C-48-55-B-a
cầu KH6	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 00"	105° 22' 23"					C-48-55-B-a
chùa Cái Đuốc Lớn	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 53' 08"	105° 22' 09"					C-48-55-B-a
chùa Cái Đuốc Nhỏ	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 48"	105° 22' 55"					C-48-55-B-b
chùa Cái Đuốc Vàm	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 46"	105° 21' 12"					C-48-55-B-a
chùa Môn Quan Tự	KX	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng	9° 52' 08"	105° 22' 13"					C-48-55-B-c
kênh Ba Hầu	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 43"	105° 20' 03"	9° 52' 53"	105° 21' 07"	C-48-55-B-a
kênh Ba Khoảnh	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 42"	105° 24' 34"	9° 53' 35"	105° 23' 23"	C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cái Đuốc Nhỏ	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 52' 30"	105° 22' 53"	9° 51' 59"	105° 21' 51"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Cây Bần	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 30"	105° 20' 44"	9° 54' 15"	105° 19' 56"	C-48-55-B-a
kênh Chín Ca	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 26"	105° 21' 28"	9° 53' 28"	105° 21' 05"	C-48-55-B-a
kênh Đập Đất	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 07"	105° 20' 06"	9° 53' 26"	105° 20' 00"	C-48-55-B-a
kênh KH6	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b; C-48-55-B-c
kênh KH7-10	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 48"	105° 22' 53"	9° 53' 18"	105° 24' 07"	C-48-55-B-b
kênh KH7-11	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 21"	105° 23' 13"	9° 53' 44"	105° 24' 36"	C-48-55-B-b
kênh Lộ Giồng Riềng - Thác Lác	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 52' 30"	105° 22' 53"	9° 51' 19"	105° 27' 01"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Lộ Mới	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 34"	105° 19' 22"	9° 52' 30"	105° 22' 53"	C-48-55-B-a
kênh Lợi Lùn	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 50"	105° 20' 16"	9° 54' 13"	105° 19' 56"	C-48-55-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
kênh Tám Cụt	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 55' 11"	105° 21' 28"	9° 53' 37"	105° 20' 51"	C-48-55-B-a
kênh Thân Suốt	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 03"	105° 24' 41"	9° 52' 35"	105° 22' 58"	C-48-55-B-b
kênh Thốt Nốt	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 59' 32"	105° 22' 09"	9° 54' 20"	105° 19' 13"	C-48-55-B-a
kênh Trâm Bầu	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 15"	105° 20' 36"	9° 53' 57"	105° 21' 45"	C-48-55-B-a
kênh Xâm Há	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 39"	105° 21' 42"	9° 53' 36"	105° 22' 12"	C-48-55-B-a
kênh Xẻo Bần	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 55' 30"	105° 22' 16"	9° 54' 33"	105° 19' 25"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xẻo Kè	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 12"	105° 22' 07"	9° 52' 10"	105° 21' 41"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
rạch Cái Đuốc Nhỏ	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 35"	105° 23' 23"	9° 52' 30"	105° 22' 53"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
rạch Cái Đuốc Lớn	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 54' 49"	105° 22' 06"	9° 52' 44"	105° 21' 04"	C-48-55-B-a
rạch Chùa Cũ	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 22"	105° 21' 29"	9° 53' 12"	105° 22' 07"	C-48-55-B-a
sông Cái Bé	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
sông Giồng Riềng	TV	xã Ngọc Chúc	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-B-a
ấp Chín Ghì	DC	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 50' 27"	105° 24' 12"					C-48-55-B-d
ấp Hai Lành	DC	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 52' 25"	105° 25' 55"					C-48-55-B-d
ấp Hai Tỷ	DC	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 51' 33"	105° 25' 49"					C-48-55-B-d
ấp Hòa An B	DC	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 53' 05"	105° 24' 41"					C-48-55-B-d
ấp Hòa Phú	DC	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 50' 55"	105° 23' 32"					C-48-55-B-d
Đường tỉnh 963	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-d
cầu Kênh 77	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 51' 51"	105° 25' 51"					C-48-55-B-d
cầu Kênh Chùa	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 51' 40"	105° 26' 19"					C-48-55-B-d
cầu KH7	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 52' 12"	105° 24' 49"					C-48-55-B-d
cầu Lộ Tẻ	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 52' 16"	105° 23' 53"					C-48-55-B-d
cầu Mương Cộ 1	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 52' 14"	105° 24' 27"					C-48-55-B-d
cầu Xẻo Mây	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 52' 18"	105° 23' 19"					C-48-55-B-d
chùa Giác Hòa	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 51' 04"	105° 26' 02"					C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Hai Lành	KX	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng	9° 52' 02"	105° 26' 39"					C-48-55-B-d
kênh Bào Tre	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 52' 29"	105° 25' 57"	9° 52' 19"	105° 24' 50"	C-48-55-B-d
kênh KH7	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Lộ Giồng Riềng - Thác Lác	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 52' 30"	105° 22' 53"	9° 51' 19"	105° 27' 01"	C-48-55-B-d
kênh Mương Cộ	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 51' 14"	105° 24' 48"	9° 53' 18"	105° 24' 07"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Ranh	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
kênh Sáu Thước	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 53' 44"	105° 24' 36"	9° 53' 25"	105° 25' 20"	C-48-55-B-b
kênh Thân Suốt	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 53' 03"	105° 24' 42"	9° 52' 19"	105° 24' 50"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
kênh Xã Nguyên	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 51' 50"	105° 25' 51"	9° 51' 07"	105° 25' 22"	C-48-55-B-d
kênh Xáng Mới	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 53' 18"	105° 24' 07"	9° 53' 03"	105° 24' 41"	C-48-55-B-b
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-d
kênh Xẻo Dung	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 51' 19"	105° 24' 29"	9° 50' 48"	105° 23' 35"	C-48-55-B-d
kênh Xẻo Mây	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 52' 12"	105° 24' 49"	9° 51' 15"	105° 25' 03"	C-48-55-B-d
rạch Thác Lác	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 53' 28"	105° 25' 14"	9° 51' 26"	105° 27' 07"	C-48-55-B-b; C-48-55-B-d
sông Cái Bé	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
Sông Cũ	TV	xã Ngọc Hòa	H. Giồng Riềng			9° 51' 04"	105° 26' 47"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kênh Xuôi	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 55' 39"	105° 23' 07"					C-48-55-B-b
ấp Ngã Năm	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 54' 46"	105° 21' 55"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Lợi	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 56' 26"	105° 22' 14"					C-48-55-B-a
ấp Ngọc Trung	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 54' 29"	105° 22' 05"					C-48-55-B-a
ấp Sáu Song	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 56' 24"	105° 23' 35"					C-48-55-B-b
ấp Sáu Trường	DC	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng	9° 54' 13"	105° 22' 28"					C-48-55-B-a
Kênh 6 Thước	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 52"	105° 20' 06"	9° 54' 49"	105° 22' 06"	C-48-55-B-a
kênh Ba Hẳng	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 32"	105° 22' 28"	9° 54' 56"	105° 23' 35"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Chín Ca	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 54' 26"	105° 21' 28"	9° 53' 28"	105° 21' 05"	C-48-55-B-a
kênh Cơi 15	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 24"	105° 24' 27"	9° 55' 47"	105° 22' 23"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Đường Cày	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh KH5	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 59' 29"	105° 23' 43"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh KH5-2	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 49"	105° 22' 46"	9° 55' 47"	105° 20' 25"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh KH6	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-55-B-b
kênh Mười Trâm	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 32"	105° 24' 32"	9° 56' 06"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Ngọn Tàu Quang	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a
kênh Tám Cụt	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 11"	105° 21' 28"	9° 53' 37"	105° 20' 51"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Trâm Bầu	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 54' 15"	105° 20' 36"	9° 53' 57"	105° 21' 45"	C-48-55-B-a
kênh Xâm Há	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 53' 39"	105° 21' 42"	9° 53' 36"	105° 22' 12"	C-48-55-B-a
kênh Xẻo Bần	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 55' 30"	105° 22' 16"	9° 54' 33"	105° 19' 25"	C-48-55-B-a
Kênh Xuôi	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 56' 13"	105° 25' 18"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
rạch Bà Cương	TV	xã Ngọc Thành	H. Giồng Riềng			9° 54' 18"	105° 21' 58"	9° 54' 02"	105° 23' 01"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
ấp Dân Quân	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 57' 49"	105° 26' 26"					C-48-55-B-b
ấp Đường Lác	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 54' 47"	105° 24' 31"					C-48-55-B-b
ấp Ngọc Vinh	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 56' 02"	105° 24' 39"					C-48-55-B-b
ấp Vinh Bắc	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 56' 05"	105° 24' 15"					C-48-55-B-b
ấp Vinh Đông	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 57' 18"	105° 26' 46"					C-48-55-B-b
ấp Vinh Thuận	DC	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng	9° 56' 36"	105° 25' 21"					C-48-55-B-b
kênh Ba Khoảnh	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 54' 42"	105° 24' 34"	9° 53' 35"	105° 23' 23"	C-48-55-B-b
kênh Bờ Trúc	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 22"	105° 26' 00"	9° 58' 09"	105° 23' 16"	C-48-55-B-b
kênh Chính Phòng	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 58' 05"	105° 26' 38"	9° 58' 12"	105° 28' 36"	C-48-55-B-b
kênh Chóp Khỉ	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 00"	105° 24' 47"	9° 56' 57"	105° 22' 41"	C-48-55-B-b
kênh Cơi 15	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 24"	105° 24' 27"	9° 55' 47"	105° 22' 23"	C-48-55-B-b
kênh Đường Lác	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 55' 56"	105° 24' 11"	9° 53' 58"	105° 24' 51"	C-48-55-B-b
kênh Hai Hoài	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 47"	105° 25' 10"	9° 56' 22"	105° 24' 20"	C-48-55-B-b
kênh KH6	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-55-B-b
kênh KH7	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 58' 10"	105° 28' 38"	C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KH7-11	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 54' 21"	105° 23' 13"	9° 53' 44"	105° 24' 36"	C-48-55-B-b
kênh KH7-12	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 55' 05"	105° 23' 40"	9° 54' 05"	105° 25' 41"	C-48-55-B-b
kênh KH7-13	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 55' 51"	105° 24' 08"	9° 54' 42"	105° 26' 09"	C-48-55-B-b
kênh KH7-14	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 38"	105° 24' 35"	9° 55' 25"	105° 26' 40"	C-48-55-B-b
kênh KH7-15	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 17"	105° 24' 57"	9° 56' 15"	105° 27' 17"	C-48-55-B-b
kênh KH7-17	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 58' 08"	105° 25' 26"	9° 56' 49"	105° 27' 39"	C-48-55-B-b
kênh KH7-19	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 59' 04"	105° 25' 58"	9° 57' 37"	105° 28' 11"	C-48-55-B-b
kênh Mười Trâm	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 32"	105° 24' 32"	9° 56' 06"	105° 22' 16"	C-48-55-B-b
kênh Năm Tỷ	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 59' 08"	105° 27' 34"	9° 56' 08"	105° 24' 55"	C-48-55-B-b
Kênh Ranh	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 52' 32"	105° 23' 10"	C-48-55-B-b
Kênh Ranh	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 16"	105° 27' 14"	9° 54' 19"	105° 25' 13"	C-48-55-B-b
Kênh Thô	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 32"	105° 26' 37"	9° 56' 13"	105° 25' 18"	C-48-55-B-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 57' 56"	105° 27' 02"	9° 57' 11"	105° 27' 53"	C-48-55-B-b
Kênh Xuôi	TV	xã Ngọc Thuận	H. Giồng Riềng			9° 56' 13"	105° 25' 18"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-b
ấp Bờ Xáng	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 58' 40"	105° 17' 35"					C-48-55-B-a
ấp Cây Quéo	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 57' 52"	105° 17' 47"					C-48-55-B-a
ấp Chà Rào	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 56' 44"	105° 18' 30"					C-48-55-B-a
ấp Ngã Sáu	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 58' 23"	105° 18' 35"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Bình	DC	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng	9° 57' 11"	105° 18' 56"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a
Kênh 4 Thước	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 59' 25"	105° 18' 26"	9° 58' 23"	105° 18' 52"	C-48-55-B-a
kênh Ba Lan	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 17"	105° 18' 54"	9° 56' 39"	105° 20' 32"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ba Thống	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 33"	105° 17' 26"	9° 57' 40"	105° 17' 25"	C-48-55-B-a
kênh Bờ Đế	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 56"	105° 17' 51"	9° 57' 22"	105° 17' 37"	C-48-55-B-a
kênh Cây Quéo	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 18"	105° 18' 19"	9° 56' 41"	105° 18' 34"	C-48-55-B-a
kênh Chà Rào	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 18' 14"	9° 56' 08"	105° 18' 53"	C-48-55-B-a
kênh Hội Đồng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			10° 00' 12"	105° 18' 25"	9° 56' 25"	105° 19' 15"	C-48-55-B-a
kênh KH3	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-55-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 03"	105° 17' 09"	9° 55' 22"	105° 18' 19"	C-48-55-B-a
kênh Mò Om	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 58' 45"	105° 19' 54"	9° 56' 22"	105° 19' 11"	C-48-55-B-a
kênh Sóc Ông Hai	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 54' 41"	105° 18' 50"	9° 56' 48"	105° 17' 54"	C-48-55-B-a
kênh Tà Ke	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 46"	105° 16' 51"	9° 55' 07"	105° 16' 35"	C-48-55-B-a
kênh Thầy Giáo	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 40"	105° 17' 25"	9° 54' 56"	105° 17' 09"	C-48-55-B-a
kênh Xẻo Cồng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 57' 05"	105° 17' 47"	9° 57' 18"	105° 18' 19"	C-48-55-B-a
rạch Bông Súng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 56' 22"	105° 19' 11"	9° 54' 38"	105° 18' 48"	C-48-55-B-a
rạch Xẻo Còng	TV	xã Thạnh Bình	H. Giồng Riềng			9° 56' 41"	105° 18' 34"	9° 56' 22"	105° 19' 11"	C-48-55-B-a
ấp Kênh Tắc	DC	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng	9° 55' 29"	105° 17' 16"					C-48-55-B-a
ấp Láng Quắm	DC	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng	9° 55' 02"	105° 16' 20"					C-48-55-B-a
ấp Tà Ke	DC	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng	9° 56' 10"	105° 16' 43"					C-48-55-B-a
ấp Trao Tráo	DC	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng	9° 54' 17"	105° 16' 50"					C-48-55-B-a
ấp Tư Hạt	DC	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng	9° 56' 32"	105° 17' 24"					C-48-55-B-a
ấp Xẻo Mây	DC	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng	9° 55' 40"	105° 16' 03"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a
chùa Kim An Bửu Tự	KX	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng	9° 54' 50"	105° 15' 39"					C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 6	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 55' 22"	105° 18' 20"	9° 54' 40"	105° 17' 41"	C-48-55-B-a
kênh Ba Nhựt	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 57' 02"	105° 17' 00"	9° 54' 59"	105° 16' 51"	C-48-55-B-a
kênh Bầu Đựng	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 56' 04"	105° 17' 02"	9° 55' 59"	105° 17' 20"	C-48-55-B-a
kênh Chưng Bầu	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-B-a
kênh Đường Tắc	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 55' 52"	105° 17' 19"	9° 55' 17"	105° 17' 49"	C-48-55-B-a
kênh Họa Đồ	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 56' 46"	105° 15' 47"	9° 55' 05"	105° 16' 01"	C-48-55-B-a
kênh KH3	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Láng Sơn	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 54' 35"	105° 15' 34"	9° 53' 34"	105° 15' 24"	C-48-55-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 58' 03"	105° 17' 09"	9° 55' 22"	105° 18' 19"	C-48-55-B-a
kênh Năm Tây	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 54' 56"	105° 15' 50"	9° 54' 07"	105° 16' 37"	C-48-55-B-a
kênh Sáu Chữ	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 56' 09"	105° 16' 41"	9° 56' 04"	105° 17' 02"	C-48-55-B-a
kênh Tà Ke	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 57' 46"	105° 16' 51"	9° 55' 07"	105° 16' 35"	C-48-55-B-a
kênh Thầy Giáo	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 57' 40"	105° 17' 25"	9° 54' 56"	105° 17' 09"	C-48-55-B-a
Rạch Lung	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 53' 56"	105° 17' 17"	9° 54' 53"	105° 17' 19"	C-48-55-B-a
sông Giồng Riềng	TV	xã Thạnh Hòa	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-B-a
ấp Phạm Đình Nông	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 59' 23"	105° 22' 01"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Ngọc	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 52"	105° 19' 41"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Nguyên	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 10"	105° 21' 32"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Tân	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 55' 01"	105° 19' 40"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Thanh	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 58' 24"	105° 21' 27"					C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thạnh Trung	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 56' 20"	105° 20' 19"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Xuân	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 56' 48"	105° 20' 34"					C-48-55-B-a
ấp Trương Văn Vững	DC	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 58' 31"	105° 19' 35"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963B	KX	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-55-B-a
cầu Đường Cày	KX	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 46"	105° 22' 39"					C-48-55-B-b
chùa Mò Om	KX	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng	9° 57' 59"	105° 19' 46"					C-48-55-B-a
Kênh 6 Thước	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 55' 52"	105° 20' 06"	9° 54' 49"	105° 22' 06"	C-48-55-B-a
kênh Ba Lan	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 57' 17"	105° 18' 54"	9° 56' 39"	105° 20' 32"	C-48-55-B-a
kênh Biện Mười	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 50"	105° 19' 45"	9° 58' 01"	105° 21' 18"	C-48-55-B-a
kênh Cây Vông	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 55' 29"	105° 20' 41"	9° 54' 51"	105° 19' 31"	C-48-55-B-a
kênh Chòm Tre	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 34"	105° 19' 20"	9° 58' 52"	105° 19' 46"	C-48-55-B-a
Kênh Chùa	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 08"	105° 19' 21"	9° 58' 02"	105° 19' 42"	C-48-55-B-a
kênh Chùa Phật	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 00' 11"	105° 20' 29"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh Đường Cày	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-b
kênh KH3	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a
kênh KH3-8	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 00' 36"	105° 18' 40"	9° 59' 39"	105° 20' 12"	C-48-55-B-a
kênh KH5-2	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 49"	105° 22' 46"	9° 55' 47"	105° 20' 25"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh KH8	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 39"	105° 20' 12"	9° 58' 44"	105° 21' 42"	C-48-55-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 16"	105° 22' 00"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mò Om	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 45"	105° 19' 54"	9° 56' 22"	105° 19' 11"	C-48-55-B-a
kênh Ông Cai	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 58' 02"	105° 19' 42"	9° 57' 51"	105° 20' 24"	C-48-55-B-a
kênh Ông Cai	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 57' 51"	105° 20' 24"	9° 57' 53"	105° 21' 14"	C-48-55-B-a
kênh Thốt Nốt	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 59' 32"	105° 22' 09"	9° 54' 20"	105° 19' 13"	C-48-55-B-a
kênh Xáng Thị Đội	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			9° 56' 31"	105° 20' 27"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Xáng Thốt Nốt	TV	xã Thạnh Hưng	H. Giồng Riềng			10° 02' 32"	105° 23' 49"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-55-B-a
ấp Nguyễn Văn Thới	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 59' 42"	105° 26' 00"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh An	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 57' 54"	105° 22' 56"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Hiệp	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 58' 27"	105° 23' 43"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	10° 00' 48"	105° 24' 22"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Thắng	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 59' 05"	105° 24' 56"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Thới	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 59' 46"	105° 25' 59"					C-48-55-B-b
ấp Thạnh Vinh	DC	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 58' 34"	105° 27' 04"					C-48-55-B-b
cầu Đường Cày	KX	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 57' 46"	105° 22' 39"					C-48-55-B-b
cầu Kênh KH5	KX	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng	9° 58' 07"	105° 23' 16"					C-48-55-B-b
kênh Ba Bàng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 57' 37"	105° 24' 37"	9° 57' 20"	105° 22' 40"	C-48-55-B-b
kênh Bà Tà	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 49"	105° 22' 31"	9° 57' 49"	105° 22' 43"	C-48-55-B-b
kênh Bờ Trúc	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 57' 22"	105° 26' 00"	9° 58' 09"	105° 23' 16"	C-48-55-B-b
kênh Chính Phòng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 05"	105° 26' 38"	9° 58' 12"	105° 28' 36"	C-48-55-B-b
kênh Chóp Khỉ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 57' 00"	105° 24' 47"	9° 56' 57"	105° 22' 41"	C-48-55-B-b
Kênh Chùa	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 02' 18"	105° 23' 42"	9° 59' 54"	105° 26' 16"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Điền Giữa	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 45"	105° 26' 54"	9° 58' 15"	105° 25' 30"	C-48-55-B-b
Kênh Đôi	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 55"	105° 25' 45"	9° 59' 27"	105° 25' 29"	C-48-55-B-b
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 47"	105° 23' 25"	9° 59' 35"	105° 25' 43"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh Đông Pháp	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 53"	105° 22' 21"	9° 58' 06"	105° 23' 11"	C-48-55-B-b
kênh Đường Cày	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 56' 06"	105° 22' 16"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Đường Lầu	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 22"	105° 23' 10"	9° 59' 15"	105° 25' 08"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh Hậu Mới	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 56"	105° 23' 40"	9° 59' 44"	105° 25' 59"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh Hậu Mới	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 20"	105° 23' 32"	9° 59' 25"	105° 25' 26"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH5	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 29"	105° 23' 43"	9° 55' 30"	105° 22' 16"	C-48-55-B-b
kênh KH5	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 01' 35"	105° 24' 58"	9° 59' 29"	105° 23' 43"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH5-1	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 00' 38"	105° 22' 45"	9° 59' 29"	105° 23' 43"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH5-2	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 56' 49"	105° 22' 46"	9° 55' 47"	105° 20' 25"	C-48-55-B-b
kênh KH6	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 00' 02"	105° 26' 31"	9° 52' 03"	105° 21' 48"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
kênh KH7-17	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 08"	105° 25' 26"	9° 56' 49"	105° 27' 39"	C-48-55-B-b
kênh KH7-19	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 04"	105° 25' 58"	9° 57' 37"	105° 28' 11"	C-48-55-B-b
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 16"	105° 22' 00"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lung Lớn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 00' 59"	105° 23' 31"	9° 58' 28"	105° 22' 21"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Năm Tỷ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 08"	105° 27' 34"	9° 56' 08"	105° 24' 55"	C-48-55-B-b
Kênh Ranh	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			10° 04' 27"	105° 21' 44"	9° 54' 50"	105° 32' 15"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
Kênh Tám	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 59' 15"	105° 23' 38"	9° 58' 40"	105° 24' 09"	C-48-55-B-b
kênh Trâm Bầu	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 58' 25"	105° 26' 20"	9° 58' 55"	105° 25' 45"	C-48-55-B-b
kênh Xáng Thị Đội	TV	xã Thạnh Lộc	H. Giồng Riềng			9° 56' 31"	105° 20' 27"	10° 00' 04"	105° 26' 34"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b
ấp Thạnh Bền	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 00' 43"	105° 21' 42"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Đông	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 10	105° 23' 01"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Phong	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 40"	105° 23' 18"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Phú	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	9° 59' 44"	105° 22' 13"					C-48-55-B-a
ấp Thạnh Quới	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 23"	105° 21' 48"					C-48-43-D-c
ấp Thạnh Vinh	DC	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 02' 13"	105° 23' 37"					C-48-43-D-c
Đường tỉnh 963B	KX	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d; C-48-55-B-a
chùa Thạnh Lợi	KX	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 01' 16"	105° 23' 11"					C-48-43-D-d
đình Thạnh Phước	KX	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng	10° 00' 20"	105° 22' 34"					C-48-43-D-d
Kênh Chùa	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 02' 18"	105° 23' 42"	9° 59' 54"	105° 26' 16"	C-48-43-D-d
kênh Chùa Phật	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 00' 11"	105° 20' 29"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-43-D-c; C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Củ Sáu	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 02' 16"	105° 19' 38"	10° 00' 56"	105° 22' 56"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 47"	105° 23' 25"	9° 59' 35"	105° 25' 43"	C-48-43-D-d
kênh Đông Pháp	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			9° 59' 53"	105° 22' 21"	9° 58' 06"	105° 23' 11"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-b
kênh Đường Lầu	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 22"	105° 23' 10"	9° 59' 15"	105° 25' 08"	C-48-43-D-d
kênh Hậu Mới	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 20"	105° 23' 32"	9° 59' 25"	105° 25' 26"	C-48-43-D-d
kênh Hậu Mới	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 56"	105° 23' 40"	9° 59' 44"	105° 25' 59"	C-48-43-D-d
kênh Huỳnh Kỳ	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 04' 24"	105° 21' 35"	10° 01' 51"	105° 23' 27"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh KH3	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 03' 50"	105° 22' 27"	9° 54' 47"	105° 17' 33"	C-48-43-D-c
kênh KH5-1	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 00' 38"	105° 22' 45"	9° 59' 29"	105° 23' 43"	C-48-55-B-b
Kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			9° 59' 16"	105° 22' 00"	9° 57' 47"	105° 22' 39"	C-48-55-B-a
Kênh Ranh	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 04' 27"	105° 21' 44"	9° 54' 50"	105° 32' 15"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh Xã Trắc	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 01' 23"	105° 19' 07"	10° 00' 27"	105° 22' 39"	C-48-43-D-c; C-48-43-D-d
kênh Xáng Thốt Nốt	TV	xã Thạnh Phước	H. Giồng Riềng			10° 02' 32"	105° 23' 49"	9° 59' 32"	105° 22' 09"	C-48-43-D-d; C-48-55-B-b;
ấp Danh Thợi	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 50' 50"	105° 19' 40"					C-48-55-B-c
ấp Huỳnh Tố	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 50' 07"	105° 19' 05"					C-48-55-B-c
ấp Lương Trực	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 48' 08"	105° 18' 38"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Phước	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng	9° 49' 11"	105° 19' 01"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 963C	KX	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 46' 26"	105° 18' 49"	9° 53' 58"	105° 18' 08"	C-48-55-B-c
Kênh 6 Thước	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 46' 41"	105° 21' 13"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Ba Huân	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 45"	105° 19' 55"	9° 48' 15"	105° 22' 37"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Bốn Sở	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 50' 53"	105° 19' 44"	9° 50' 33"	105° 20' 35"	C-48-55-B-c
kênh Cà Nhung	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 43' 50"	105° 14' 21"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-B-c
kênh Cây Dừa	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 17' 04"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 37"	105° 20' 09"	9° 48' 26"	105° 19' 12"	C-48-55-B-c
kênh Đường Trâu Lớn	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 47"	105° 19' 54"	9° 49' 09"	105° 19' 24"	C-48-55-B-c
kênh Đường Trâu Nhỏ	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 35"	105° 19' 04"	9° 49' 45"	105° 19' 55"	C-48-55-B-c
kênh Hai Thái	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 50' 51"	105° 19' 43"	9° 49' 45"	105° 19' 41"	C-48-55-B-c
kênh KH5	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c
kênh KH6	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 09"	105° 18' 50"	9° 49' 50"	105° 17' 30"	C-48-55-B-c
kênh Nghĩa Trang	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 19"	105° 19' 01"	9° 49' 30"	105° 19' 42"	C-48-55-B-c
kênh Nha Si	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 40"	105° 18' 00"	9° 49' 09"	105° 18' 50"	C-48-55-B-c
kênh Phong Lưu	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 37"	105° 18' 06"	9° 48' 02"	105° 18' 17"	C-48-55-B-c
kênh Tà Nol	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 27"	105° 20' 11"	9° 46' 29"	105° 19' 04"	C-48-55-B-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 48' 02"	105° 18' 17"	9° 47' 36"	105° 16' 07"	C-48-55-B-c
ngọn Sáu Kim	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giồng Riềng			9° 49' 34"	105° 22' 57"	9° 50' 33"	105° 20' 35"	C-48-55-B-c
ấp Nguyễn Hưởng	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 56"	105° 18' 17"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Nguyễn Vũ	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 49' 41"	105° 17' 46"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Lộc	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 52' 48"	105° 19' 40"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 19"	105° 19' 27"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 41"	105° 17' 14"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Thanh	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 52' 33"	105° 18' 38"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 51' 10"	105° 18' 21"					C-48-55-B-c
Đường tỉnh 963C	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 46' 26"	105° 18' 49"	9° 53' 58"	105° 18' 08"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
thánh thất Cao đài Vĩnh Thạnh	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng	9° 50' 43"	105° 17' 58"					C-48-55-B-a
kênh Bà Chủ	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 36"	105° 18' 06"	9° 50' 24"	105° 17' 45"	C-48-55-B-c
kênh Cà Nhung	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-B-c
kênh Cây Dừa	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 55"	105° 17' 04"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh KH5	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 34"	105° 20' 49"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 39"	105° 18' 20"	9° 51' 23"	105° 18' 29"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 02"	105° 18' 33"	9° 49' 34"	105° 18' 04"	C-48-55-B-c
kênh Mù U	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 51' 58"	105° 17' 26"	C-48-55-B-c
kênh Nghĩa Địa	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 48' 37"	105° 16' 10"	9° 48' 46"	105° 17' 17"	C-48-55-B-c
kênh Rạch Nhum	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 51' 53"	105° 19' 03"	9° 52' 33"	105° 18' 34"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
kênh Xẻo Sâu	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 52' 52"	105° 19' 43"	9° 51' 33"	105° 19' 54"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Phong Lưu	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 49' 45"	105° 17' 25"	9° 49' 05"	105° 17' 36"	C-48-55-B-c
sông Cái Bé	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
khu phố Phước Hưng 1	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 44' 21"	105° 16' 54"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Hưng 2	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 44' 53"	105° 17' 17"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Thành Lập	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 32"	105° 16' 38"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Thới	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 45' 38"	105° 16' 24"					C-48-55-B-c
khu phố Phước Trung 1	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 58"	105° 15' 38"					C-48-55-D-a
khu phố Phước Trung 2	DC	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 45' 00"	105° 16' 15"					C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
cầu Mương Lộ	KX	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 40"	105° 16' 48"					C-48-55-D-a
hội quán Hưng Kiên Tự	KX	TT. Gò Quao	H. Gò Quao	9° 43' 52"	105° 16' 32"					C-48-55-D-a
kênh Ba Láng	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 50"	105° 17' 57"	9° 44' 18"	105° 16' 30"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Bần Bé	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 56"	105° 15' 08"	9° 45' 21"	105° 16' 03"	C-48-55-B-c
kênh Bần Bé	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 18"	105° 14' 52"	9° 43' 53"	105° 16' 16"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 16"	105° 17' 34"	9° 43' 28"	105° 17' 59"	C-48-55-D-a
kênh Đường Trâu	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 17' 18"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh KH5	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 46' 44"	105° 15' 37"	9° 43' 51"	105° 14' 21"	C-48-55-C-b
kênh KH6	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lột Ta Muôn	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 46"	105° 16' 53"	9° 44' 57"	105° 16' 13"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Mương Lộ	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a
kênh Rạch Tìa	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 46' 31"	105° 17' 30"	9° 46' 02"	105° 17' 28"	C-48-55-B-c
kênh Tà Nol	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 45' 58"	105° 15' 57"	9° 45' 46"	105° 16' 53"	C-48-55-B-c
kênh Tha La	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 46' 35"	105° 16' 52"	9° 45' 47"	105° 17' 11"	C-48-55-B-c
kênh Thứ Hồ	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 44' 18"	105° 16' 30"	9° 46' 23"	105° 15' 00"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	TT. Gò Quao	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
ấp An Bình	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 45' 56"	105° 18' 05"					C-48-55-B-c
ấp An Hiệp	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 22"	105° 17' 34"					C-48-55-B-c
ấp An Hòa	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 22"	105° 19' 00"					C-48-55-B-c
ấp An Hưng	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 49"	105° 19' 14"					C-48-55-B-c
ấp An Lợi	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 32"	105° 19' 10"					C-48-55-B-c
ấp An Minh	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 18"	105° 19' 07"					C-48-55-B-c
ấp An Phong	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 26"	105° 18' 34"					C-48-55-B-c
ấp An Phước	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 38"	105° 19' 00"					C-48-55-B-c
ấp An Thọ	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 44' 51"	105° 18' 43"					C-48-55-B-c
ấp An Thuận	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 06"	105° 19' 44"					C-48-55-B-c
ấp An Trung	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 23"	105° 18' 51"					C-48-55-B-c
ấp An Trường	DC	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 26"	105° 17' 17"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 61	KX	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
cầu Lộ Quẹo	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 44' 52"	105° 18' 37"					C-48-55-D-a
cầu Rạch Tìa	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 32"	105° 17' 31"					C-48-55-B-c
cầu Sóc Ven	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 26"	105° 18' 37"					C-48-55-B-c
chùa Rạch Tìa	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 35"	105° 17' 28"					C-48-55-B-c
chùa Từ Vân	KX	xã Định An	H. Gò Quao	9° 46' 31"	105° 18' 43"					C-48-55-B-c
Kênh 6 Thước	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 41"	105° 21' 13"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Ba Láng	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 45' 50"	105° 17' 57"	9° 44' 18"	105° 16' 30"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Cống Số 4	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 19' 57"	9° 44' 50"	105° 19' 48"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Đường Mây Cũ	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 18' 53"	9° 45' 36"	105° 20' 22"	C-48-55-B-c
kênh Đường Mây Mới	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 18' 53"	9° 46' 19"	105° 21' 36"	C-48-55-B-c
kênh KH6	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 51' 40"	105° 21' 33"	9° 43' 48"	105° 16' 14"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 32"	105° 22' 22"	9° 46' 30"	105° 19' 20"	C-48-55-B-c
kênh Mười Nguyện	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 49' 09"	105° 20' 55"	9° 47' 55"	105° 19' 48"	C-48-55-B-c
kênh Mương Lộ	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a
kênh Ngang Trâu	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 28"	105° 20' 19"	9° 47' 45"	105° 22' 27"	C-48-55-B-c
kênh Ngọn Mồ Côi	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 54"	105° 17' 32"	9° 46' 32"	105° 17' 31"	C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nhà Thờ	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 45' 50"	105° 17' 57"	9° 44' 48"	105° 18' 31"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Ông Biện	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 30"	105° 19' 17"	9° 47' 28"	105° 20' 19"	C-48-55-B-c
kênh Rạch Tìa	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 31"	105° 17' 30"	9° 46' 02"	105° 17' 28"	C-48-55-B-c
Kênh Ranh	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 51"	105° 19' 17"	9° 42' 08"	105° 19' 33"	C-48-55-D-a
kênh Sóc Sâu	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 44' 48"	105° 18' 31"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Sóc Ven	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 33"	105° 18' 42"	9° 45' 50"	105° 17' 57"	C-48-55-B-c
kênh Tà Nol	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 48' 27"	105° 20' 11"	9° 46' 29"	105° 19' 04"	C-48-55-B-c
kênh Tha La	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 35"	105° 16' 52"	9° 45' 47"	105° 17' 11"	C-48-55-B-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 48' 02"	105° 18' 17"	9° 47' 36"	105° 16' 07"	C-48-55-B-c
kênh Vàm Hô	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 47' 18"	105° 18' 52"	9° 47' 26"	105° 18' 17"	C-48-55-B-c
kênh Xóm Giữa	TV	xã Định An	H. Gò Quao			9° 46' 23"	105° 20' 57"	9° 45' 36"	105° 20' 22"	C-48-55-B-c
ấp Hòa Ấn	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 46' 46"	105° 13' 40"					C-48-55-A-d
ấp Hòa Hiếu 1	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 45' 29"	105° 15' 10"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Hiếu 2	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 45' 09"	105° 14' 21"					C-48-55-A-d
ấp Hòa Hớn	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 46' 38"	105° 15' 29"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Mỹ	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 47' 35"	105° 15' 41"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Tạo	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 47' 27"	105° 16' 03"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Thanh	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 48' 46"	105° 14' 01"					C-48-55-A-d
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 48' 43"	105° 16' 11"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Thiện	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 48' 03"	105° 15' 54"					C-48-55-B-c
ấp Hòa Út	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 47' 10"	105° 14' 50"					C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hòa Xuân	DC	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 49' 05"	105° 14' 54"					C-48-55-A-d
Quốc lộ 61	KX	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
chợ Cà Nhung	KX	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 47' 25"	105° 15' 53"					C-48-55-B-c
chùa Cà Nhung	KX	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 47' 22"	105° 16' 06"					C-48-55-B-c
chùa Tà Mum	KX	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 46' 25"	105° 15' 32"					C-48-55-B-c
chùa Thanh Gia	KX	xã Định Hòa	H. Gò Quao	9° 49' 04"	105° 14' 05"					C-48-55-A-d
kênh Bà Khai	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 46"	105° 15' 16"	9° 48' 19"	105° 14' 59"	C-48-55-B-c
kênh Bần Bé	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 45' 56"	105° 15' 08"	9° 45' 21"	105° 16' 03"	C-48-55-B-c
kênh Bần Bé	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 45' 27"	105° 14' 57"	9° 45' 10"	105° 14' 18"	C-48-55-A-d
kênh Bần Bé	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 45' 18"	105° 14' 52"	9° 43' 53"	105° 16' 16"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Bầu Ngự	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 48' 51"	105° 15' 15"	9° 49' 06"	105° 16' 11"	C-48-55-B-c
kênh Cà Nhung	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 18' 04"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-B-c
kênh Cây Xoài	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 46' 23"	105° 15' 00"	9° 46' 08"	105° 14' 25"	C-48-55-A-d
kênh Chùa Bần Bé	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 45' 10"	105° 14' 18"	9° 44' 20"	105° 14' 24"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Đường Cày Mới	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 46' 45"	105° 13' 30"	9° 46' 54"	105° 15' 00"	C-48-55-A-d
kênh Đường Xuồng	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 50' 54"	105° 14' 17"	9° 47' 50"	105° 14' 04"	C-48-55-A-d
kênh Đường Xuồng	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 48"	105° 14' 49"	9° 49' 19"	105° 13' 57"	C-48-55-A-d
kênh KH5	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 46' 44"	105° 15' 37"	9° 43' 51"	105° 14' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c; C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Lung	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 47' 31"	105° 14' 30"	9° 46' 51"	105° 14' 48"	C-48-55-A-d
kênh Năm Long	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 14' 51"	9° 49' 14"	105° 14' 38"	C-48-55-A-d
kênh Ngang Rích	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 15' 50"	9° 47' 33"	105° 16' 04"	C-48-55-B-c
kênh Nghĩa Địa	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 48' 37"	105° 16' 10"	9° 48' 46"	105° 17' 17"	C-48-55-B-c
kênh Ngọn Mồ Côi	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 47' 54"	105° 17' 32"	9° 46' 32"	105° 17' 31"	C-48-55-B-c
kênh Pem Buôl	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 14' 04"	9° 46' 44"	105° 15' 37"	C-48-55-A-d
kênh Sáu Lững	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 38"	105° 14' 32"	9° 49' 11"	105° 15' 17"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
kênh Tha La	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 46' 35"	105° 16' 52"	9° 45' 47"	105° 17' 11"	C-48-55-B-c
kênh Thân B	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 51"	105° 16' 16"	9° 48' 24"	105° 16' 54"	C-48-55-B-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 48' 02"	105° 18' 17"	9° 47' 36"	105° 16' 07"	C-48-55-B-c
kênh Thứ Hồ	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 46' 08"	105° 14' 25"	9° 45' 11"	105° 13' 17"	C-48-55-A-d
kênh Thứ Hồ	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 44' 18"	105° 16' 30"	9° 46' 23"	105° 15' 00"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Thứ Hồ	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 46' 53"	105° 16' 02"	9° 45' 57"	105° 16' 37"	C-48-55-B-c
kênh Thủy Liễu - Đường Xuồng	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 49' 04"	105° 13' 59"	C-48-55-A-d
rạch Bầu Dừa	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 45' 36"	105° 13' 38"	9° 44' 49"	105° 13' 43"	C-48-55-A-d
rạch Đường Xuồng	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 50' 10"	105° 14' 29"	9° 49' 26"	105° 13' 58"	C-48-55-A-d
rạch Ngang Rích	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 49' 40"	105° 16' 07"	9° 48' 37"	105° 16' 10"	C-48-55-B-c
sông Cái Bé	TV	xã Định Hòa	H. Gò Quao			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d; C-48-55-B-c
ấp Hòa Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 50' 03"	105° 10' 59"					C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hòa Lễ	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 56"	105° 11' 06"					C-48-55-A-d
ấp Khương Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 30"	105° 08' 51"					C-48-55-A-d
ấp Thới Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 48"	105° 09' 20"					C-48-55-A-d
ấp Thới Đông	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 31"	105° 10' 26"					C-48-55-A-d
ấp Thới Khương	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 52"	105° 10' 12"					C-48-55-A-d
ấp Thới Trung	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 47"	105° 10' 09"					C-48-55-A-d
ấp Thu Đông	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 27"	105° 11' 20"					C-48-55-A-d
ấp Xuân Bình	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 52"	105° 10' 32"					C-48-55-A-d
ấp Xuân Đông	DC	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 48' 48"	105° 11' 17"					C-48-55-A-d
chùa Cỏ Khía Cũ	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 55"	105° 11' 56"					C-48-55-A-d
chùa Cỏ Khía Mới	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 02"	105° 12' 17"					C-48-55-A-d
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Tổng Quản	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 49' 20"	105° 11' 07"					C-48-55-A-d
đình Thới An	KX	xã Thới Quản	H. Gò Quao	9° 46' 48"	105° 10' 05"					C-48-55-A-d
Kênh 4	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 49"	105° 10' 02"	9° 49' 51"	105° 08' 14"	C-48-55-A-d
Kênh 5	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 34"	105° 10' 04"	9° 49' 35"	105° 09' 18"	C-48-55-A-d
Kênh 6	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 24"	105° 10' 08"	9° 49' 06"	105° 09' 20"	C-48-55-A-d
kênh Ba Cao	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 25"	105° 10' 07"	9° 45' 49"	105° 10' 07"	C-48-55-A-d
kênh Cả Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 09"	105° 10' 32"	9° 48' 21"	105° 10' 39"	C-48-55-A-d
kênh Cả Mới Nhỏ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 44"	105° 11' 16"	9° 48' 53"	105° 08' 45"	C-48-55-A-d
kênh Cầu Dừa	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 45' 58"	105° 12' 12"	9° 45' 08"	105° 10' 14"	C-48-55-A-d
kênh Cỏ Khía	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 33"	105° 13' 54"	9° 49' 05"	105° 12' 18"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cỏ Khía	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 23"	105° 12' 03"	9° 49' 13"	105° 11' 11"	C-48-55-A-d
kênh Cựa Gà	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 38"	105° 10' 17"	9° 46' 48"	105° 09' 38"	C-48-55-A-d
kênh Đìa Mướp	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 54"	105° 10' 43"	9° 45' 31"	105° 12' 57"	C-48-55-A-d
kênh Đường Cày Cũ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 35"	105° 11' 25"	9° 46' 56"	105° 13' 00"	C-48-55-A-d
kênh Đường Cày Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 12' 03"	9° 48' 44"	105° 11' 16"	C-48-55-A-d
kênh Đường Tắc	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 34"	105° 11' 03"	9° 50' 03"	105° 11' 03"	C-48-55-A-d
kênh Đường Tắc	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 03"	105° 11' 01"	9° 49' 09"	105° 10' 32"	C-48-55-A-d
Kênh Giữa	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 12"	105° 09' 41"	9° 47' 04"	105° 09' 32"	C-48-55-A-d
kênh Hai Giàu	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 21"	105° 10' 39"	9° 46' 54"	105° 10' 43"	C-48-55-A-d
Kênh Hậu	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 57"	105° 10' 02"	9° 46' 58"	105° 08' 45"	C-48-55-A-d
Kênh Hậu	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 27"	105° 09' 56"	9° 48' 41"	105° 09' 22"	C-48-55-A-d
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 24"	105° 10' 08"	9° 48' 11"	105° 09' 53"	C-48-55-A-d
kênh Lô 8	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 49"	105° 10' 02"	9° 49' 24"	105° 10' 08"	C-48-55-A-d
kênh Lộ Thới Quản - Thới An	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 35"	105° 11' 25"	9° 46' 54"	105° 10' 43"	C-48-55-A-d
kênh Lung Ranh	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 47' 45"	105° 12' 43"	9° 47' 50"	105° 12' 03"	C-48-55-A-d
kênh Ông Kiệt	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 05"	105° 12' 18"	9° 48' 35"	105° 11' 25"	C-48-55-A-d
kênh Thới Quản	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 44"	105° 11' 16"	9° 50' 29"	105° 10' 36"	C-48-55-A-d
kênh Thới Thủy	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 16"	105° 11' 00"	9° 45' 09"	105° 13' 01"	C-48-55-A-d
kênh Thới Thủy	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 49"	105° 10' 13"	9° 46' 16"	105° 11' 00"	C-48-55-A-d
kênh Tư Trình	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 10"	105° 09' 56"	9° 46' 51"	105° 10' 02"	C-48-55-A-d
kênh Út Còn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 14"	105° 09' 34"	9° 47' 01"	105° 09' 20"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xáng Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 50"	105° 09' 17"	9° 49' 06"	105° 09' 20"	C-48-55-A-d
kênh Xáng Mới	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 06"	105° 09' 20"	9° 48' 20"	105° 09' 24"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Giữa	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 09' 10"	9° 47' 33"	105° 10' 00"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Nổ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 48' 11"	105° 09' 49"	9° 47' 01"	105° 09' 45"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Rọ	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 18"	105° 09' 33"	9° 46' 11"	105° 10' 10"	C-48-55-A-d
kênh Xẻo Thanh	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 45' 49"	105° 10' 07"	9° 45' 37"	105° 09' 28"	C-48-55-A-d
rạch Cả Mới Lớn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 54"	105° 10' 43"	9° 46' 48"	105° 09' 38"	C-48-55-A-d
rạch Cả Mới Lớn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 46' 48"	105° 09' 38"	9° 46' 57"	105° 08' 45"	C-48-55-A-d
rạch Cỏ Khía	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 23"	105° 11' 55"	9° 47' 48"	105° 12' 33"	C-48-55-A-d
sông Cái Bé	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d
sông Cái Lớn	TV	xã Thới Quản	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b; C-48-55-A-d
ấp Châu Thành	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 51"	105° 13' 12"					C-48-55-C-b
ấp Hiệp An	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 36"	105° 13' 01"					C-48-55-C-b
ấp Hòa An	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 45' 08"	105° 12' 54"					C-48-55-A-d
ấp Hòa Thành	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 45' 27"	105° 12' 56"					C-48-55-A-d
ấp Phước An	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 21"	105° 12' 59"					C-48-55-C-b
ấp Phước Tiền	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 43' 47"	105° 12' 53"					C-48-55-C-b
ấp Thạnh Hòa 1	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 46' 57"	105° 13' 03"					C-48-55-A-d
ấp Thạnh Hòa 2	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 46' 16"	105° 12' 45"					C-48-55-A-d
ấp Thạnh Hòa 3	DC	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 45' 47"	105° 11' 53"					C-48-55-A-d
chùa Cái Bần	KX	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 56"	105° 13' 01"					C-48-55-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Ông Tà	KX	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao	9° 44' 12"	105° 12' 48"					C-48-55-C-b
kênh Bà Chu	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 13' 03"	9° 46' 45"	105° 13' 30"	C-48-55-A-d
kênh Bà Ròng	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 51"	105° 13' 05"	9° 45' 42"	105° 13' 51"	C-48-55-A-d
kênh Bào Dừa	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 31"	105° 12' 57"	9° 46' 29"	105° 13' 03"	C-48-55-A-d
kênh Cả Bần	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 43' 24"	105° 12' 44"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Cầu Dừa	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 58"	105° 12' 12"	9° 45' 08"	105° 10' 14"	C-48-55-A-d
kênh Chòm Mã	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 17"	105° 13' 48"	9° 45' 58"	105° 13' 08"	C-48-55-A-d
kênh Chống Mỹ	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 04"	105° 13' 01"	9° 43' 33"	105° 13' 53"	C-48-55-A-d; C-48-55-C-b
kênh Đìa Mướp	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 54"	105° 10' 43"	9° 45' 31"	105° 12' 57"	C-48-55-A-d
kênh Đường Cày Cũ	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 48' 35"	105° 11' 25"	9° 46' 56"	105° 13' 00"	C-48-55-A-d
kênh Đường Ruồng	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 44' 39"	105° 13' 04"	9° 44' 34"	105° 11' 08"	C-48-55-C-b
kênh Đường Tắt Ông Tà	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 44' 15"	105° 12' 48"	9° 43' 59"	105° 11' 52"	C-48-55-C-b
kênh Đường Trâu	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 59"	105° 12' 11"	9° 46' 08"	105° 12' 41"	C-48-55-A-d
kênh Giải Phóng	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 44' 58"	105° 11' 55"	9° 44' 08"	105° 11' 42"	C-48-55-C-b
kênh KH5	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 44"	105° 15' 37"	9° 43' 51"	105° 14' 21"	C-48-55-C-b
kênh Lung Ranh	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 47' 45"	105° 12' 43"	9° 47' 50"	105° 12' 03"	C-48-55-A-d
kênh Ông Ngẫu	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 14' 04"	9° 46' 45"	105° 13' 30"	C-48-55-A-d
kênh Thới Thủy	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 16"	105° 11' 00"	9° 45' 09"	105° 13' 01"	C-48-55-A-d
kênh Thứ Hồ	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 08"	105° 14' 25"	9° 45' 11"	105° 13' 17"	C-48-55-A-d
kênh Thủy Liễu - Đường Xuồng	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 46' 56"	105° 13' 00"	9° 49' 04"	105° 13' 59"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bầu Dừa	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 45' 36"	105° 13' 38"	9° 44' 49"	105° 13' 43"	C-48-55-A-d
sông Cái Lớn	TV	xã Thủy Liễu	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-C-b
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 32"	105° 22' 34"					C-48-55-B-d
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 45"	105° 23' 48"					C-48-55-B-d
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 28"	105° 23' 46"					C-48-55-B-d
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 58"	105° 25' 01"					C-48-55-B-c
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 17"	105° 25' 17"					C-48-55-B-d
Ấp 6	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 53"	105° 21' 56"					C-48-55-B-c
Ấp 7	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 17"	105° 22' 06"					C-48-55-B-c
Ấp 8	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 28"	105° 22' 04"					C-48-55-B-c
Ấp 9	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 48' 19"	105° 21' 24"					C-48-55-B-c
Ấp 10	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 22"	105° 21' 31"					C-48-55-B-c
Ấp 11	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 46' 54"	105° 21' 44"					C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thờ Ong Vèo	KX	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao	9° 47' 39"	105° 25' 37"					C-48-55-B-d
Kênh 4 Thước	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 12"	105° 23' 22"	9° 46' 42"	105° 24' 34"	C-48-55-B-d
Kênh 6 Thước	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 46' 41"	105° 21' 13"	9° 49' 09"	105° 18' 51"	C-48-55-B-c
kênh Bà Chủ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 40"	105° 22' 33"	9° 46' 54"	105° 23' 27"	C-48-55-B-d
kênh Ba Huân	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 45"	105° 19' 55"	9° 48' 15"	105° 22' 37"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Ba Hưởng	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 27"	105° 21' 44"	9° 48' 53"	105° 23' 11"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Ba Sựng	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 30"	105° 20' 20"	9° 49' 55"	105° 20' 46"	C-48-55-B-c
kênh Cây Quao	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 55"	105° 20' 46"	9° 49' 27"	105° 21' 44"	C-48-55-B-c
kênh Hội Đồng	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 51' 06"	105° 22' 40"	9° 49' 48"	105° 21' 49"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh KH9	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 25' 29"	9° 46' 00"	105° 21' 53"	C-48-55-B-d
kênh Lung Nia	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 47"	105° 25' 03"	9° 49' 28"	105° 27' 20"	C-48-55-B-d
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 32"	105° 22' 22"	9° 46' 30"	105° 19' 20"	C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Mười Nguyện	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 09"	105° 20' 55"	9° 47' 55"	105° 19' 48"	C-48-55-B-c
kênh Ngã Cạy	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 21' 35"	9° 49' 14"	105° 22' 31"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Ngang Trâu	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 28"	105° 20' 19"	9° 47' 45"	105° 22' 27"	C-48-55-B-c
kênh Ông Dèo	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 50' 16"	105° 24' 10"	C-48-55-B-d
kênh Ông Thọ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 06"	105° 23' 34"	9° 47' 10"	105° 23' 53"	C-48-55-B-d
kênh Sáu Kim	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 50' 15"	105° 20' 57"	9° 49' 18"	105° 23' 21"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Sông Lá	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 35"	105° 26' 05"	9° 47' 22"	105° 25' 43"	C-48-55-B-d
kênh Thủy Lợi - Ba Huân	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 25"	105° 21' 02"	9° 48' 20"	105° 22' 38"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Xáng Chợ Mới	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 48' 21"	105° 22' 39"	9° 50' 18"	105° 24' 05"	C-48-55-B-d
kênh Xáng Ô Môn	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 38"	105° 22' 27"	9° 56' 48"	105° 30' 07"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
rạch Ông Cả	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 17"	105° 21' 17"	9° 46' 18"	105° 21' 13"	C-48-55-B-c
sông Ba Voi	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 44' 45"	105° 23' 31"	C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 42"	105° 22' 13"					C-48-55-B-c
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 41"	105° 22' 43"					C-48-55-D-b
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 43' 05"	105° 21' 26"					C-48-55-D-a
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 04"	105° 19' 39"					C-48-55-D-a
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 46' 24"	105° 20' 57"					C-48-55-B-c
Ấp 6	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 44"	105° 21' 00"					C-48-55-D-a
Ấp 7	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 43' 54"	105° 21' 02"					C-48-55-D-a
ấp Tạ Quang Tỷ	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 34"	105° 23' 22"					C-48-55-D-b
ấp Vĩnh Hòa 1	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 20"	105° 22' 32"					C-48-55-B-c
ấp Vĩnh Hòa 2	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 20"	105° 24' 44"					C-48-55-B-d
ấp Vĩnh Hòa 3	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 46' 55"	105° 24' 28"					C-48-55-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Hòa 4	DC	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 45' 54"	105° 23' 51"					C-48-55-B-d
Quốc lộ 61	KX	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
cầu Cái Tư	KX	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 38"	105° 23' 28"					C-48-55-D-b
chùa Bửu Quang	KX	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 59"	105° 23' 26"					C-48-55-D-b
chùa Lục Phi	KX	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao	9° 44' 51"	105° 20' 51"					C-48-55-D-a
Kênh 4 Thước	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 48' 12"	105° 23' 22"	9° 46' 42"	105° 24' 34"	C-48-55-B-d
kênh Bờ Đáy	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 42"	105° 22' 09"	9° 43' 52"	105° 22' 04"	C-48-55-D-a
kênh Bờ Dừa	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 45' 48"	105° 21' 40"	9° 44' 43"	105° 21' 45"	C-48-55-B-c; C-48-55-D-a
kênh Cái Trâm Lớn	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 46"	105° 20' 49"	9° 45' 59"	105° 21' 48"	C-48-55-B-c
kênh Cái Trâm Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 45' 21"	105° 20' 25"	9° 45' 20"	105° 21' 08"	C-48-55-B-c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 43"	105° 21' 45"	9° 43' 52"	105° 21' 49"	C-48-55-D-a
kênh Chuồng Dơi	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 35"	105° 19' 22"	9° 43' 53"	105° 20' 10"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đi Chợ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 48"	105° 20' 21"	9° 43' 08"	105° 19' 31"	C-48-55-D-a
kênh Đường Mây Mới	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 46' 29"	105° 18' 53"	9° 46' 19"	105° 21' 36"	C-48-55-B-c
kênh KH9	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 47' 50"	105° 25' 29"	9° 46' 00"	105° 21' 53"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d
kênh Mười Đời	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 48"	105° 20' 07"	9° 43' 53"	105° 20' 13"	C-48-55-D-a
kênh Mương Lộ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a
kênh Năm Dần	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 32"	105° 20' 18"	9° 42' 35"	105° 20' 39"	C-48-55-D-a
kênh Ông Ký	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 46' 31"	105° 22' 42"	9° 45' 19"	105° 24' 46"	C-48-55-B-d
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 51"	105° 19' 17"	9° 42' 08"	105° 19' 33"	C-48-55-D-a
kênh Trâm Bầu	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 19' 23"	9° 43' 32"	105° 20' 18"	C-48-55-D-a
kênh Xáng Xà No	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 45' 20"	105° 24' 48"	9° 44' 45"	105° 23' 31"	C-48-55-B-d; C-48-55-D-b
kênh Xẻo Giá Lớn	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 56"	105° 19' 21"	9° 43' 52"	105° 22' 04"	C-48-55-D-a
kênh Xẻo Giá Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 43' 32"	105° 20' 18"	9° 43' 37"	105° 21' 54"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xóm Cũ	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 44' 45"	105° 21' 15"	9° 43' 37"	105° 21' 16"	C-48-55-D-a
kênh Xóm Giữa	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 46' 23"	105° 20' 57"	9° 45' 36"	105° 20' 22"	C-48-55-B-c
rạch Ông Cả	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Ạ Quao			9° 47' 17"	105° 21' 17"	9° 46' 18"	105° 21' 13"	C-48-55-B-c
sông Ba Voi	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 47' 22"	105° 25' 43"	9° 44' 45"	105° 23' 31"	C-48-55-B-d
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-B-c; C-48-55-B-d; C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
ấp Bùi Thị Thêm	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 41' 56"	105° 17' 40"					C-48-55-D-a
ấp Phước An	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 39' 51"	105° 17' 17"					C-48-55-D-a
ấp Phước Bình	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 42' 20"	105° 16' 32"					C-48-55-D-a
ấp Phước Hiệp	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 43' 01"	105° 16' 36"					C-48-55-D-a
ấp Phước Hòa	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 43' 40"	105° 15' 10"					C-48-55-D-a
ấp Phước Lợi	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 39' 39"	105° 19' 01"					C-48-55-D-a
ấp Phước Minh	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 41' 14"	105° 17' 03"					C-48-55-D-a
ấp Phước Tân	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 42' 45"	105° 14' 29"					C-48-55-D-a
ấp Phước Thạnh	DC	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 41' 12"	105° 16' 01"					C-48-55-D-a
Miếu Bà	KX	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao	9° 43' 12"	105° 14' 12"					C-48-55-C-b
Kênh Bao	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 45"	105° 16' 53"	9° 40' 26"	105° 17' 16"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Bao	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 41' 41"	105° 17' 26"	9° 42' 03"	105° 15' 11"	C-48-55-D-a
kênh Đòn Dông	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 42' 24"	105° 16' 45"	9° 43' 38"	105° 14' 28"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
kênh Đòn Dông	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 52"	105° 19' 12"	9° 42' 09"	105° 14' 43"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
kênh Gia Cư	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 45"	105° 17' 24"	9° 40' 01"	105° 16' 51"	C-48-55-D-a
kênh Lô 2	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 57"	105° 15' 24"	9° 42' 15"	105° 15' 25"	C-48-55-D-a
kênh Lô 5	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 10"	105° 16' 33"	9° 42' 03"	105° 17' 38"	C-48-55-D-a
kênh Lô 6	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 19"	105° 17' 26"	9° 41' 03"	105° 17' 46"	C-48-55-D-a
kênh Lô 7	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 55"	105° 17' 08"	9° 41' 21"	105° 18' 13"	C-48-55-D-a
kênh Lô 8	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 02"	105° 17' 35"	9° 41' 11"	105° 18' 26"	C-48-55-D-a
kênh Lô 9	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 30"	105° 17' 26"	9° 40' 58"	105° 18' 42"	C-48-55-D-a
kênh Lô 10	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 09"	105° 17' 43"	9° 40' 25"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Lô 12	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 39' 40"	105° 18' 48"	9° 40' 22"	105° 19' 19"	C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 40' 55"	105° 17' 39"	9° 40' 20"	105° 19' 32"	C-48-55-D-a
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 41' 07"	105° 17' 06"	9° 41' 19"	105° 14' 29"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
Kênh Ngang	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 42' 42"	105° 15' 50"	9° 43' 26"	105° 16' 23"	C-48-55-D-a
kênh Xáng Cụt	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 38' 34"	105° 18' 12"	9° 40' 30"	105° 19' 38"	C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-D-a; C-48-55-C-b
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a; C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Xếp	TV	xã Vĩnh Phước A	H. Gò Quao			9° 42' 34"	105° 17' 04"	9° 43' 20"	105° 14' 10"	C-48-55-C-b; C-48-55-D-a
ấp An Hòa	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 43' 49"	105° 18' 41"					C-48-55-D-a
ấp An Phú	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 05"	105° 18' 53"					C-48-55-D-a
ấp Phước Đạt	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 41' 57"	105° 19' 30"					C-48-55-D-a
ấp Phước Lập	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 06"	105° 17' 40"					C-48-55-D-a
ấp Phước Nghiêm	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 42' 19"	105° 19' 39"					C-48-55-D-a
ấp Phước Thành	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 42' 50"	105° 17' 48"					C-48-55-D-a
ấp Phước Thọ	DC	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 42' 00"	105° 18' 18"					C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
Cầu Đỏ	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 43' 11"	105° 19' 22"					C-48-55-D-a
Cầu Trắng	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 43' 55"	105° 19' 20"					C-48-55-D-a
chợ Sóc Sâu	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 00"	105° 18' 41"					C-48-55-D-a
chùa Sóc Sâu	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 44' 21"	105° 18' 46"					C-48-55-D-a
cống Năm Mai	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 41' 55"	105° 18' 44"					C-48-55-D-a
cống Xẻo Cá	KX	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao	9° 41' 30"	105° 19' 12"					C-48-55-D-a
kênh Chủ Mon	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 42' 53"	105° 19' 24"	9° 41' 48"	105° 18' 07"	C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 16"	105° 17' 34"	9° 43' 28"	105° 17' 59"	C-48-55-D-a
kênh Đai Bân	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 56"	105° 18' 48"	9° 43' 11"	105° 19' 23"	C-48-55-D-a
kênh Đai Xiêm	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 40"	105° 18' 33"	9° 42' 29"	105° 18' 58"	C-48-55-D-a
kênh Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 17' 18"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Mương Lộ	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 36"	105° 23' 26"	9° 43' 28"	105° 16' 39"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Năm Dần	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 32"	105° 20' 18"	9° 42' 35"	105° 20' 39"	C-48-55-D-a
kênh Năm Mai	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 41' 54"	105° 19' 34"	9° 41' 27"	105° 18' 28"	C-48-55-D-a
kênh Ông Ga	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 28"	105° 17' 59"	9° 42' 26"	105° 17' 36"	C-48-55-D-a
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 51"	105° 19' 17"	9° 42' 08"	105° 19' 33"	C-48-55-D-a
kênh Sóc Sâu	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 44' 48"	105° 18' 31"	9° 43' 40"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Trâm Bầu	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 43' 11"	105° 19' 23"	9° 43' 32"	105° 20' 18"	C-48-55-D-a
kênh Xẻo Cá	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 41' 42"	105° 19' 49"	9° 41' 27"	105° 18' 28"	C-48-55-D-a
rạch Mười Nam	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 42' 17"	105° 19' 30"	9° 42' 36"	105° 20' 24"	C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Phước B	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-D-a
ấp Thắng Lợi	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 40' 25"	105° 19' 39"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Minh	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 39' 18"	105° 20' 28"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Tân	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 38' 23"	105° 19' 41"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 39' 42"	105° 21' 49"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Tiến	DC	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao	9° 40' 14"	105° 21' 08"					C-48-55-D-a
Đường tỉnh 962	KX	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a
Kênh 2	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 35"	105° 18' 26"	9° 39' 01"	105° 20' 40"	C-48-55-D-a
Kênh 500	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 56"	105° 19' 37"	9° 38' 42"	105° 18' 47"	C-48-55-D-a
kênh Chín Lùng	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 58"	105° 20' 52"	9° 40' 37"	105° 20' 51"	C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 52"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
kênh Đường Đào	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 38' 07"	105° 19' 13"	9° 37' 48"	105° 18' 08"	C-48-55-D-a
kênh Hai Chùa	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 40' 08"	105° 20' 04"	9° 40' 35"	105° 20' 19"	C-48-55-D-a
kênh Láng Biển	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 07"	105° 19' 13"	C-48-55-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 18"	9° 40' 36"	105° 19' 48"	C-48-55-D-a
Kênh Một	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 33"	105° 20' 22"	9° 37' 55"	105° 17' 43"	C-48-55-D-a
kênh Ông Bầu	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 38' 47"	105° 20' 47"	9° 39' 49"	105° 21' 58"	C-48-55-D-a
kênh Thủy Lợi	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 37' 32"	105° 19' 17"	9° 37' 44"	105° 18' 39"	C-48-55-D-a
Kênh Vườn	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 36' 48"	105° 20' 15"	9° 37' 42"	105° 18' 09"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
Kênh Vuông	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 27"	105° 21' 38"	9° 39' 54"	105° 20' 58"	C-48-55-D-a
kênh Xáng Cụt	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 38' 34"	105° 18' 12"	9° 40' 30"	105° 19' 38"	C-48-55-D-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-D-a
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
sông Nước Đục	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 40' 55"	105° 20' 14"	9° 41' 26"	105° 20' 02"	C-48-55-D-a
sông Nước Trong	TV	xã Vĩnh Thắng	H. Gò Quao			9° 39' 10"	105° 24' 17"	9° 40' 55"	105° 20' 14"	C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Phong	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 38' 13"	105° 21' 06"					C-48-55-D-a
ấp Chiến Thắng	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 45"	105° 22' 34"					C-48-55-D-a
ấp Long Đời	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 36' 14"	105° 21' 28"					C-48-55-D-a
ấp Mười Hùng	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 46"	105° 20' 52"					C-48-55-D-a
ấp Tân Đời	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 06"	105° 21' 23"					C-48-55-D-c
ấp Tiên Phong	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 38' 42"	105° 22' 19"					C-48-55-D-a
ấp Vĩnh Bình	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 01"	105° 19' 38"					C-48-55-D-c
ấp Vĩnh Hùng	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 38' 42"	105° 23' 38"					C-48-55-D-b
chùa Hưng Tuyền Tự	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 15"	105° 21' 36"					C-48-55-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình thần Vĩnh Tuy	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 12"	105° 21' 38"					C-48-55-D-c
Đường tỉnh 962	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 44' 54"	105° 18' 40"	9° 35' 41"	105° 21' 20"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
thanh tịnh Huyền Trung Điện	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao	9° 37' 23"	105° 21' 28"					C-48-55-D-c
Kênh Ba	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 10"	105° 23' 57"	9° 38' 33"	105° 23' 12"	C-48-55-D-b
kênh Bà Cường	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 17"	105° 19' 07"	9° 36' 31"	105° 18' 37"	C-48-55-D-c
kênh Cã Đĩa	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 10"	105° 21' 34"	9° 37' 37"	105° 23' 19"	C-48-55-D-d; C-48-55-D-c
kênh Chòm Mả	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 38"	9° 38' 02"	105° 22' 20"	C-48-55-D-a
kênh Cống Đá	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 18"	9° 37' 51"	105° 20' 31"	C-48-55-D-a
kênh Dân Quân	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 52"	105° 18' 33"	C-48-55-D-a
Kênh Đứng	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 04"	105° 20' 32"	9° 37' 32"	105° 19' 17"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
kênh Đường Đào	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 02"	105° 22' 30"	9° 36' 15"	105° 22' 14"	C-48-55-D-c
kênh Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 50"	105° 21' 51"	9° 39' 34"	105° 22' 14"	C-48-55-D-a
kênh Gốc Tre	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 02"	105° 22' 20"	9° 39' 35"	105° 22' 17"	C-48-55-D-a
Kênh Hai	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 27"	105° 24' 10"	9° 38' 57"	105° 23' 10"	C-48-55-D-b
kênh Hai Bèo	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 36' 29"	105° 20' 24"	9° 36' 18"	105° 21' 27"	C-48-55-D-c
kênh Hai Thông	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 39' 00"	105° 21' 16"	9° 38' 48"	105° 21' 56"	C-48-55-D-a
Kênh Hãng	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 37"	105° 23' 19"	9° 39' 30"	105° 23' 08"	C-48-55-D-b
Kênh Lạng	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 28"	105° 22' 43"	9° 38' 32"	105° 22' 19"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Láng Biển	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 51"	105° 20' 31"	9° 38' 07"	105° 19' 13"	C-48-55-D-a
kênh Lộ Xe	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 44"	105° 21' 18"	9° 40' 36"	105° 19' 48"	C-48-55-D-a
kênh Ngang Rộp	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 20"	105° 24' 05"	9° 39' 06"	105° 24' 17"	C-48-55-D-b
kênh Ông Bầu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 47"	105° 20' 47"	9° 39' 49"	105° 21' 58"	C-48-55-D-a
kênh Ông Cai	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 38' 02"	105° 22' 20"	9° 38' 23"	105° 23' 13"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
Kênh Ranh	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 54' 50"	105° 32' 15"	9° 38' 20"	105° 24' 05"	C-48-55-D-d; C-48-55-D-b
kênh Trâm Bầu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 36"	105° 21' 47"	9° 38' 00"	105° 23' 15"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
Kênh Vườn	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 36' 48"	105° 20' 15"	9° 37' 42"	105° 18' 09"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
rạch Tàn Ông	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 37' 22"	105° 23' 52"	9° 37' 37"	105° 23' 19"	C-48-55-D-d; C-48-55-D-b
sông Ngã Ba Cái Tàu	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 35' 52"	105° 22' 17"	9° 43' 15"	105° 14' 04"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-c
sông Nước Trong	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Gò Quao			9° 39' 10"	105° 24' 17"	9° 40' 55"	105° 20' 14"	C-48-55-D-a; C-48-55-D-b
khu phố Chòm Sao	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 10' 45"	104° 56' 20"					C-48-42-D-b
khu phố Đầu Doi	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 26"	104° 55' 30"					C-48-42-D-b
khu phố Đường Hòn	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 07"	104° 55' 40"					C-48-42-D-b
khu phố Sư Nam	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 12' 23"	104° 53' 46"					C-48-42-D-b
khu phố Tri Tôn	DC	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 20"	104° 55' 20"					C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 80	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-D-b
Đường tỉnh 969	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 18"	104° 55' 34"	10° 07' 12"	104° 53' 13"	C-48-42-D-b
Đường tỉnh 969B	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-b
cầu Lình Huỳnh	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 12' 24"	104° 53' 52"					C-48-42-D-b
cầu Tri Tôn	KX	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất	10° 11' 18"	104° 55' 33"					C-48-42-D-b
Kênh 1	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 13' 07"	104° 53' 59"	10° 09' 54"	104° 58' 33"	C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 9	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b
Kênh 10	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 31"	104° 56' 30"	10° 07' 10"	104° 54' 14"	C-48-42-D-b
Kênh 11	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 53' 08"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-b
Kênh 165	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 48"	104° 55' 51"	10° 18' 58"	105° 01' 00"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 09' 12"	104° 58' 31"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 47"	104° 55' 21"	10° 09' 21"	104° 54' 23"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 55"	104° 53' 39"	10° 08' 47"	104° 51' 06"	C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-D-d
Kênh 280B	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 47"	104° 53' 20"	10° 11' 26"	104° 52' 24"	C-48-42-D-b
Kênh 281	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 28"	104° 53' 34"	10° 09' 27"	104° 50' 42"	C-48-42-D-b
Kênh 3000	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 10' 30"	104° 56' 50"	10° 18' 12"	105° 02' 21"	C-48-42-D-b
Kênh Bao	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 16' 14"	104° 51' 04"	10° 13' 07"	104° 54' 00"	C-48-42-D-b
kênh Cống Tư Vít	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 13' 13"	104° 52' 39"	10° 17' 42"	104° 53' 43"	C-48-42-D-b
kênh Đường Hòn	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 19"	104° 55' 34"	10° 09' 31"	104° 54' 21"	C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh H9	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 19' 44"	104° 58' 39"	10° 12' 36"	104° 53' 37"	C-48-42-D-b
kênh Lình Huỳnh	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 12' 25"	104° 53' 53"	10° 08' 39"	104° 50' 45"	C-48-42-D-b
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Tri Tôn	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 11' 25"	104° 55' 26"	10° 19' 12"	105° 01' 03"	C-48-42-B-d
lung Sư Nam	TV	TT. Hòn Đất	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 53' 35"	10° 13' 33"	104° 53' 16"	C-48-42-D-b
khu phố Mỹ Hòa	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 53"	105° 00' 36"					C-48-43-C-a
khu phố Mỹ Phú	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 38"	105° 01' 35"					C-48-43-C-c
khu phố Sơn Thịnh	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 22"	105° 01' 39"					C-48-43-C-c
khu phố Sơn Tiến	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 58"	105° 00' 24"					C-48-43-C-c
khu phố Tà Lúa	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 29"	104° 59' 25"					C-48-42-D-d; c
khu phố Thành Công	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 04"	105° 01' 07"					C-48-43-C-c
khu phố Thị Tứ	DC	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 18"	105° 00' 56"					C-48-43-C-c
Quốc lộ 80	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
cầu Tà Hem	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 51"	105° 01' 19"					C-48-43-C-c
cầu Tà Lúa	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 08' 07"	105° 00' 21"					C-48-43-C-a
cống Tà Hem	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 05' 41"	104° 59' 47"					C-48-42-D-d+c
cống Tà Manh	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 05"	105° 01' 56"					C-48-43-C-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Sóc Xoài	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 36"	105° 00' 37"					C-48-43-C-a
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 21"	105° 00' 37"					C-48-43-C-a
Kênh 1	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 59"	104° 58' 38"	10° 07' 57"	105° 01' 20"	C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 7 Biết	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 38"	105° 03' 03"	10° 07' 53"	105° 01' 16"	C-48-43-C-c
Kênh 500	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 12"	105° 01' 24"	10° 06' 01"	105° 02' 23"	C-48-43-C-c
kênh Ba Thê	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 54"	10° 15' 14"	105° 07' 28"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh Cũ	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 02' 41"	105° 03' 48"	10° 06' 40"	105° 01' 05"	C-48-43-C-c
kênh Đường Bàng	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 13"	105° 00' 24"	10° 08' 31"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
Kênh Huyện	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 42"	105° 02' 16"	10° 04' 59"	105° 00' 56"	C-48-43-C-c
kênh Năm Ninh	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 51"	105° 02' 09"	10° 06' 50"	105° 03' 12"	C-48-43-C-c
kênh Ông Kiểm	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 01"	104° 59' 23"	10° 06' 49"	104° 59' 57"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Ông Kiểm	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 52"	105° 00' 04"	10° 05' 16"	105° 01' 30"	C-48-43-C-c
kênh Quản Thống	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 02"	105° 01' 14"	10° 08' 28"	105° 02' 33"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh Sóc	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 06' 44"	105° 01' 08"	C-48-43-C-a
kênh Tà Hem	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 53"	105° 01' 21"	10° 05' 37"	104° 59' 41"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
kênh Tà Lúa	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 47"	10° 06' 15"	104° 59' 08"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
rạch Bà Ban	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 17"	105° 00' 35"	10° 05' 45"	104° 59' 45"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
rạch Đường Trâu	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 09"	105° 00' 22"	10° 09' 31"	105° 00' 57"	C-48-43-C-a
rạch Ghình Bé	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 25"	105° 00' 28"	10° 05' 52"	104° 59' 33"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Tà Niên	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 27"	104° 58' 57"	10° 07' 39"	105° 00' 38"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
rạch Tầm Đéc	TV	TT. Sóc Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 40"	105° 00' 15"	10° 06' 06"	104° 59' 27"	C-48-42-D-d+c; C-48-43-C-c
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 16' 09"	104° 47' 54"					C-48-42-D-a
ấp Đường Thét	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 18' 42"	104° 46' 34"					C-48-42-B-c
ấp Giồng Kè	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 13' 43"	104° 43' 34"					C-48-42-C-b
ấp Hợp Thành	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 21' 22"	104° 51' 43"					C-48-42-B-c
ấp Kinh 4	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 14' 39"	104° 45' 24"					C-48-42-B-c
ấp Kinh 9	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 17' 46"	104° 46' 13"					C-48-42-B-c
ấp Láng Cơm	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 22' 53"	104° 48' 44"					C-48-42-B-a
ấp Mũi Tàu	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 19' 40"	104° 50' 37"					C-48-42-B-c
ấp Ranh Hạt	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 17' 04"	104° 44' 48"					C-48-42-B-c
ấp Tám Ngàn	DC	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 18' 02"	104° 49' 33"					C-48-42-B-c
Quốc lộ 80	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
Đường tỉnh 970	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 21' 23"	104° 51' 48"	10° 16' 02"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
Cầu 422	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 20' 36"	104° 51' 17"					C-48-42-B-c
Cầu 85B	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 18' 17"	104° 49' 46"					C-48-42-B-c
cầu T6	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 17' 00"	104° 46' 43"					C-48-42-B-c
chùa Giồng Kè	KX	xã Bình Giang	H. Hòn Đất	10° 13' 48"	104° 44' 06"					C-48-42-C-b
Kênh 2	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 06"	104° 45' 21"	10° 18' 39"	104° 45' 18"	C-48-42-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 2	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 06"	104° 44' 44"	10° 13' 29"	104° 42' 54"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
Kênh 3 (Bình Giang 1)	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 06"	104° 45' 14"	10° 13' 44"	104° 43' 29"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 4	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 05"	104° 45' 44"	10° 13' 44"	104° 43' 57"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 4 Cây Dương	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 16"	104° 46' 26"	10° 18' 24"	104° 46' 29"	C-48-42-B-c
Kênh 5	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 04"	104° 46' 14"	10° 13' 40"	104° 44' 21"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 6	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 02"	104° 46' 44"	10° 13' 35"	104° 44' 51"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-C-b
Kênh 7	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 49"	104° 47' 10"	10° 13' 28"	104° 45' 11"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 8	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 20' 41"	104° 46' 22"	10° 19' 42"	104° 47' 18"	C-48-42-B-c
Kênh 8	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 26"	104° 47' 33"	10° 13' 20"	104° 45' 38"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 9 (Bình Giang 2)	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 15"	104° 48' 00"	10° 13' 12"	104° 45' 59"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 9 Xóm Đạo	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 04"	104° 46' 09"	10° 20' 41"	104° 46' 22"	C-48-42-B-c
Kênh 10	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 00"	104° 48' 25"	10° 13' 11"	104° 46' 25"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 85B	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 19' 23"	104° 48' 05"	10° 17' 07"	104° 51' 37"	C-48-42-B-c
Kênh 200	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
Kênh 422	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 19' 25"	104° 53' 15"	C-48-42-B-c
Kênh 8000	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 21' 24"	104° 51' 46"	10° 16' 04"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
kênh Ba Tàu	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 24"	104° 47' 46"	10° 17' 26"	104° 48' 27"	C-48-42-B-c
kênh Cấp 1	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 20' 43"	104° 51' 04"	10° 17' 17"	104° 48' 48"	C-48-42-B-c
kênh Cấp 2	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 22' 01"	104° 51' 16"	10° 17' 31"	104° 48' 18"	C-48-42-B-c
kênh Chi Cục	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 20' 11"	104° 46' 20"	10° 18' 44"	104° 45' 12"	C-48-42-B-c
kênh Chín Mới	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 19' 20"	104° 50' 26"	10° 19' 25"	104° 46' 17"	C-48-42-B-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 15' 25"	104° 43' 22"	10° 14' 10"	104° 47' 43"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c; C-48-42-D-a
kênh Hai Mới	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 16' 45"	104° 47' 15"	10° 19' 22"	104° 47' 23"	C-48-42-B-c
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-c
kênh Ranh Ninh Phước	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 21' 24"	104° 51' 46"	10° 27' 39"	104° 46' 57"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Sau Làng	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 15' 25"	104° 43' 27"	10° 13' 14"	104° 42' 21"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh T5 - Võ Văn Kiệt	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 17' 07"	104° 44' 23"	10° 25' 11"	104° 48' 51"	C-48-42-A-d; C-48-42-B-a; C-48-42-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh T6	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 23' 25"	104° 50' 12"	10° 17' 04"	104° 46' 26"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 18' 49"	104° 45' 04"	10° 17' 10"	104° 49' 01"	C-48-42-B-c
kênh Trục 1	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 24' 24"	104° 48' 23"	10° 22' 19"	104° 50' 26"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Trục Giữa	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 23' 36"	104° 47' 54"	10° 20' 59"	104° 51' 30"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
kênh Tư Cây Dương	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 18' 28"	104° 46' 34"	10° 20' 26"	104° 47' 57"	C-48-42-B-c
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Bình Giang	H. Hòn Đất			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
ấp Bình Thuận	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 30"	104° 50' 46"					C-48-42-D-a
ấp Thuận An	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 54"	104° 48' 18"					C-48-42-D-a
ấp Thuận Hòa	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 13"	104° 49' 40"					C-48-42-B-c
ấp Thuận Tiến	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 54"	104° 48' 29"					C-48-42-B-c
ấp Vàm Rầy	DC	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 53"	104° 47' 31"					C-48-42-D-a
Quốc lộ 80	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-D-b
Đường tỉnh 970	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 21' 23"	104° 51' 48"	10° 16' 02"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
cầu 283	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 20"	104° 52' 26"					C-48-42-D-a
Cầu 422	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 20' 36"	104° 51' 17"					C-48-42-B-c
Cầu 85B	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 18' 17"	104° 49' 46"					C-48-42-B-c
cầu Vàm Rầy	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 41"	104° 48' 50"					C-48-42-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cống Vàm Rầy	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 07"	104° 46' 58"					C-48-42-D-a
Nông trường Bình Sơn	KX	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 14"	104° 49' 08"					C-48-42-D-a
Kênh 7	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-B-c; C-48-43-B-d
Kênh 8	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 59' 21"	10° 18' 01"	104° 53' 52"	C-48-42-B-d
Kênh 9	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 27"	104° 59' 40"	10° 18' 43"	104° 53' 40"	C-48-42-B-d
Kênh 10	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-42-B-d
Kênh 10	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 00"	104° 48' 25"	10° 13' 11"	104° 46' 25"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 11	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 53"	104° 52' 25"	10° 17' 32"	104° 57' 09"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
Kênh 85B	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 23"	104° 48' 05"	10° 17' 07"	104° 51' 37"	C-48-42-B-c
Kênh 200	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 18"	104° 53' 47"	10° 16' 54"	104° 40' 07"	C-48-42-B-c; C-48-42-D-a; C-48-42-D-d
Kênh 280B	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 47"	104° 53' 20"	10° 11' 26"	104° 52' 24"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 281	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 28"	104° 53' 34"	10° 09' 27"	104° 50' 42"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 282	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 58"	104° 52' 51"	10° 10' 48"	104° 51' 21"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 283	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 52' 27"	10° 09' 55"	104° 49' 45"	C-48-42-D-a
Kênh 284	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 36"	104° 51' 54"	10° 10' 29"	104° 49' 34"	C-48-42-D-a
Kênh 285	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 40"	104° 49' 15"	10° 13' 54"	104° 51' 27"	C-48-42-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 286	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 12"	104° 51' 00"	10° 11' 11"	104° 48' 55"	C-48-42-D-a
Kênh 287	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 32"	104° 50' 30"	10° 12' 15"	104° 48' 56"	C-48-42-D-a
Kênh 288	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 45"	104° 50' 10"	10° 12' 27"	104° 48' 37"	C-48-42-D-a
Kênh 289	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 03"	104° 49' 42"	10° 12' 47"	104° 48' 03"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 290	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 49' 15"	10° 13' 04"	104° 47' 35"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
Kênh 422	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 19' 25"	104° 53' 15"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
Kênh 2500	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 03"	104° 50' 13"	10° 11' 28"	104° 52' 37"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 8000	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 21' 24"	104° 51' 46"	10° 16' 04"	104° 48' 19"	C-48-42-B-c
Kênh Bao	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 14"	104° 51' 04"	10° 13' 07"	104° 54' 00"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh Bao	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 29"	104° 54' 52"	10° 20' 27"	104° 55' 31"	C-48-42-B-d
Kênh Bao	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 05"	104° 57' 09"	10° 15' 42"	104° 54' 11"	C-48-42-B-d
kênh Cả Cội	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 47' 07"	10° 10' 19"	104° 52' 09"	C-48-42-D-a
kênh Cấp 1	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 28"	104° 51' 31"	10° 16' 42"	104° 49' 02"	C-48-42-B-c
kênh Cống Tư Vít	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 13"	104° 52' 39"	10° 17' 42"	104° 53' 43"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
kênh Đòn Dông	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 25"	104° 43' 22"	10° 14' 10"	104° 47' 43"	C-48-42-D-a
kênh K7	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 43"	104° 50' 41"	10° 17' 35"	104° 53' 33"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KH6	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 56"	104° 53' 28"	10° 16' 06"	104° 49' 59"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh KH7	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 50"	104° 50' 11"	10° 20' 47"	104° 54' 06"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh Ninh Phước 2	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 12"	105° 01' 02"	10° 21' 24"	104° 51' 46"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-B-c; C-48-42-D-a;
kênh Thầy Thép	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 11"	104° 51' 12"	10° 19' 29"	104° 54' 52"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
kênh Tư Dương	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 56"	104° 53' 39"	10° 14' 06"	104° 57' 20"	C-48-42-B-d
kênh Vàm Rầy	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 42"	104° 48' 51"	10° 12' 52"	104° 46' 47"	C-48-42-D-a; C-48-42-B-c
lung Mốp Dăng	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 04"	104° 49' 56"	10° 15' 10"	104° 53' 35"	C-48-42-B-c; C-48-42-B-d
rạch Ba Bông	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 18"	104° 46' 30"	10° 13' 07"	104° 46' 54"	C-48-42-D-a
Rạch Bằng	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 26"	104° 47' 11"	10° 13' 32"	104° 47' 56"	C-48-42-D-a
Rạch Bằng	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 56"	104° 48' 01"	10° 14' 31"	104° 47' 58"	C-48-42-D-a
rạch Miếu Bà	TV	xã Bình Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 38"	104° 49' 56"	10° 11' 43"	104° 49' 49"	C-48-42-D-a
ấp Cây Chôm	DC	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 11' 37"	104° 49' 55"					C-48-42-D-a
ấp Huỳnh Sơn	DC	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 10' 50"	104° 52' 38"					C-48-42-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Lình Huỳnh	DC	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 09' 19"	104° 51' 23"					C-48-42-D-b
ấp Vàm Biển	DC	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 09' 30"	104° 51' 26"					C-48-42-D-a
Cống 283	KX	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất	10° 10' 04"	104° 49' 53"					C-48-42-D-a
Đường tỉnh 969B	KX	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 11' 35"	104° 53' 12"	10° 10' 25"	104° 54' 57"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 58"	104° 52' 53"	10° 09' 55"	104° 54' 37"	C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 35"	104° 52' 22"	10° 09' 48"	104° 53' 37"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 00"	104° 51' 54"	10° 09' 24"	104° 52' 47"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 11	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 53' 08"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-a
Kênh 200	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 11' 55"	104° 53' 39"	10° 08' 47"	104° 51' 06"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
kênh 281	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 12' 28"	104° 53' 34"	10° 09' 27"	104° 50' 42"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
kênh 282	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 50"	104° 51' 18"	10° 09' 38"	104° 50' 14"	C-48-42-D-a
kênh 283	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 52' 27"	10° 09' 55"	104° 49' 45"	C-48-42-D-a
kênh 284	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 13' 36"	104° 51' 54"	10° 10' 29"	104° 49' 34"	C-48-42-D-a
kênh 285	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 40"	104° 49' 15"	10° 13' 54"	104° 51' 27"	C-48-42-D-a
kênh Cả Cội	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 13' 21"	104° 47' 07"	10° 10' 19"	104° 52' 09"	C-48-42-D-a
kênh K9	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 08' 05"	104° 53' 25"	10° 09' 25"	104° 51' 25"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Lình Huỳnh	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 12' 25"	104° 53' 53"	10° 08' 39"	104° 50' 45"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
rạch Cống Hòn	TV	xã Lình Huỳnh	H. Hòn Đất			10° 10' 11"	104° 52' 15"	10° 09' 45"	104° 53' 36"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
ấp Hiệp Bình	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 12' 57"	105° 05' 36"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Hòa	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 44"	105° 07' 05"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Lợi	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 11' 48"	105° 04' 38"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Tân	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 10' 51"	105° 03' 49"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Thành	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 51"	105° 06' 21"					C-48-43-C-a
ấp Hiệp Trung	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 16"	105° 05' 46"					C-48-43-C-a
ấp Kiên Hảo	DC	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 12' 23"	105° 07' 52"					C-48-43-C-b
di tích khảo cổ học Giồng Xoài	KX	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 47"	105° 08' 24"					C-48-43-C-b
Kênh 5	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 21"	105° 04' 11"	10° 10' 14"	105° 05' 26"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 45"	105° 03' 41"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
kênh 5,5	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 53"	105° 05' 10"	10° 09' 08"	105° 06' 00"	C-48-43-C-a
Kênh 6	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 14"	105° 05' 26"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 57"	105° 04' 43"	10° 09' 58"	105° 06' 59"	C-48-43-C-a
Kênh 8	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 33"	105° 05' 13"	10° 10' 36"	105° 07' 32"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 9	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 12"	105° 05' 45"	10° 11' 10"	105° 08' 03"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 10	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 50"	105° 06' 16"	10° 11' 47"	105° 08' 35"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 10	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-43-C-a
Kênh 11	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 54"	105° 04' 54"	10° 12' 24"	105° 09' 08"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh 15	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 02"	105° 00' 12"	10° 13' 36"	105° 06' 05"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh 16	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 36"	105° 00' 38"	10° 15' 54"	105° 04' 54"	C-48-43-A-c
Kênh 100	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 24"	105° 06' 52"	10° 08' 49"	105° 02' 07"	C-48-43-C-a
Kênh 100	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 03"	105° 05' 29"	10° 15' 13"	105° 07' 19"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
Kênh 500	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 09"	105° 04' 24"	10° 08' 39"	105° 02' 19"	C-48-43-C-a
Kênh 600	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 09"	105° 07' 09"	10° 14' 56"	105° 07' 50"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 600	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 57"	105° 06' 01"	10° 11' 42"	105° 05' 00"	C-48-43-C-a
Kênh 3000	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 07"	105° 06' 59"	10° 10' 14"	105° 05' 26"	C-48-43-C-a
kênh Ba Thê	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 54"	10° 15' 14"	105° 07' 28"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 39"	105° 06' 42"	10° 10' 32"	105° 05' 41"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 23"	105° 03' 30"	10° 09' 01"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 53"	105° 07' 47"	10° 11' 50"	105° 06' 45"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 19"	105° 07' 17"	10° 11' 13"	105° 06' 15"	C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cống Xã	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 17"	105° 10' 57"	10° 11' 21"	105° 08' 12"	C-48-43-C-b
kênh Đập Đá	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 07"	105° 08' 47"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
kênh Hãng Đứng	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 24"	105° 01' 24"	10° 10' 37"	105° 03' 34"	C-48-43-C-a
kênh Hãng Ngang	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 17"	105° 04' 14"	10° 11' 53"	105° 01' 36"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh Huế Bá	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 32"	105° 10' 25"	10° 10' 37"	105° 07' 33"	C-48-43-C-b
kênh Kiên Hảo	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 11"	105° 09' 48"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 49"	105° 07' 06"	10° 16' 17"	105° 05' 06"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh Năm Vụ	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 44"	105° 09' 50"	10° 09' 48"	105° 06' 50"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
kênh Năm Vui	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 12' 20"	105° 05' 01"	10° 13' 47"	105° 03' 06"	C-48-43-C-a
kênh Ranh Tỉnh	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 15"	105° 07' 27"	10° 19' 01"	105° 00' 56"	C-48-43-A-c
lung Dọc Trăm	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 46"	105° 07' 14"	10° 09' 38"	105° 07' 37"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Lung Mướp	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 54"	105° 05' 06"	10° 10' 33"	105° 05' 05"	C-48-43-C-a
Lung Sen	TV	xã Mỹ Hiệp Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 49"	105° 04' 35"	10° 10' 50"	105° 04' 51"	C-48-43-C-a
ấp Hưng Giang	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 02' 38"	105° 03' 38"					C-48-42-D-b
ấp Mỹ Bình	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 21"	105° 03' 22"					C-48-42-D-b
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 30"	105° 02' 20"					C-48-43-C-c
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 42"	105° 03' 05"					C-48-43-C-c
ấp Mỹ Trung	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 03' 45"	105° 03' 51"					C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Điền	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 05"	105° 03' 27"					C-48-43-C-c
ấp Tân Hưng	DC	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 48"	105° 02' 53"					C-48-42-D-b
Quốc lộ 80	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
cầu Số 3	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 11"	105° 02' 38"					C-48-43-C-c
cầu Thần Nông	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 01"	105° 03' 33"					C-48-43-C-c
chùa Mỹ Thạnh Tự	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 24"	105° 02' 32"					C-48-43-C-c
cống Số 2	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 02' 24"	105° 03' 15"					C-48-43-C-c
cống Số 3	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 18"	105° 01' 21"					C-48-43-C-c
cống Thần Nông	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 03' 22"	105° 02' 06"					C-48-43-C-c
cống Thầy Xếp	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 33"	105° 03' 08"					C-48-43-C-c
cống Thầy Xếp	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 04' 08"	105° 01' 22"					C-48-43-C-c
đình Nguyễn Trung Trực	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 03' 34"	105° 03' 50"					C-48-43-C-c
miếu Ông Tà	KX	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất	10° 05' 15"	105° 02' 15"					C-48-43-C-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 06' 19"	105° 03' 40"	10° 04' 18"	105° 05' 20"	C-48-43-C-c
Kênh 7 Biết	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 38"	105° 03' 03"	10° 07' 53"	105° 01' 16"	C-48-43-C-c
Kênh 80	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 38"	105° 01' 11"	10° 03' 14"	105° 02' 24"	C-48-43-C-c
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 45"	105° 01' 59"	10° 05' 16"	105° 01' 30"	C-48-43-C-c
Kênh 7000	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 59"	105° 03' 04"	10° 03' 53"	105° 01' 50"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Số 2	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 02' 59"	105° 04' 22"	10° 02' 17"	105° 03' 00"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Số 3	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 12"	105° 02' 39"	10° 04' 12"	105° 01' 11"	C-48-43-C-c
Kênh Chùa	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 00"	105° 03' 24"	10° 04' 43"	105° 03' 02"	C-48-43-C-c
Kênh Cũ	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 02' 41"	105° 03' 48"	10° 06' 40"	105° 01' 05"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Cùng	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 40"	105° 02' 39"	10° 04' 27"	105° 01' 34"	C-48-43-C-c
kênh Đôi Dưới	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 16"	105° 03' 28"	10° 03' 14"	105° 02' 15"	C-48-43-C-c
kênh Đôi Trên	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 22"	105° 02' 49"	10° 04' 06"	105° 01' 22"	C-48-43-C-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 58"	105° 01' 47"	10° 04' 35"	105° 01' 07"	C-48-43-C-c
Kênh Huyện	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 42"	105° 02' 16"	10° 04' 59"	105° 00' 56"	C-48-43-C-c
kênh Kiên Hảo	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 13' 10"	105° 09' 49"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-c
kênh Năm Ninh	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 51"	105° 02' 09"	10° 06' 50"	105° 03' 12"	C-48-43-C-c
kênh Năm Phiên	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 03"	105° 03' 36"	10° 02' 42"	105° 02' 46"	C-48-43-C-c
kênh Ngã Cái	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 07"	105° 04' 16"	10° 04' 05"	105° 04' 33"	C-48-43-C-c
kênh Ông Kiểm	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 52"	105° 03' 42"	10° 07' 55"	105° 05' 08"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Tập Đoàn	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 26"	105° 04' 01"	10° 03' 06"	105° 03' 34"	C-48-43-C-c
kênh Thần Nông	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 04' 01"	105° 03' 32"	10° 03' 19"	105° 01' 59"	C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 29"	105° 03' 20"	10° 03' 43"	105° 03' 42"	C-48-43-C-c
kênh Xa Me	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 03' 43"	105° 03' 02"	10° 02' 52"	105° 03' 13"	C-48-43-C-c
rạch Châm Bầu	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 22"	105° 02' 09"	10° 05' 06"	105° 01' 39"	C-48-43-C-c
rạch Rạch Ngay	TV	xã Mỹ Lâm	H. Hòn Đất			10° 05' 00"	105° 01' 45"	10° 04' 46"	105° 00' 58"	C-48-43-C-c
ấp Đập Đá	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 09' 00"	105° 06' 51"					C-48-43-C-a
ấp Phước Hảo	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 07' 12"	105° 04' 31"					C-48-43-C-c
ấp Phước Tân	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 10' 09"	105° 07' 04"					C-48-43-C-a
ấp Phước Thái	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 10' 41"	105° 07' 34"					C-48-43-C-b
ấp Phước Thạnh	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 07' 16"	105° 04' 29"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tràm Dưỡng	DC	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 08' 21"	105° 05' 36"					C-48-43-C-a
di tích khảo cổ Nền Chùa	KX	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất	10° 06' 45"	105° 06' 19"					C-48-43-C-c
Kênh 1	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 51"	105° 02' 05"	10° 07' 05"	105° 04' 22"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 16"	105° 04' 31"	10° 09' 04"	105° 02' 40"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 19"	105° 03' 40"	10° 04' 18"	105° 05' 20"	C-48-43-C-c
kênh 2,5	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 20"	105° 03' 51"	10° 07' 53"	105° 04' 21"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 07"	105° 05' 19"	10° 10' 03"	105° 03' 11"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 56"	105° 04' 13"	10° 05' 24"	105° 05' 47"	C-48-43-C-c
Kênh 4	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 25"	105° 05' 35"	10° 09' 16"	105° 04' 39"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 45"	105° 03' 41"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
kênh 5,5	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 09' 53"	105° 05' 10"	10° 09' 08"	105° 06' 00"	C-48-43-C-a
Kênh 6	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 14"	105° 05' 26"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 11' 57"	105° 04' 43"	10° 09' 58"	105° 06' 59"	C-48-43-C-a
Kênh 8	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 12' 33"	105° 05' 13"	10° 10' 36"	105° 07' 32"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 9	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 13' 12"	105° 05' 45"	10° 11' 10"	105° 08' 03"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
Kênh 750	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 49"	105° 05' 02"	10° 09' 35"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 21"	105° 06' 39"	10° 08' 21"	105° 05' 32"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 09' 39"	105° 06' 42"	10° 10' 32"	105° 05' 41"	C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 53"	105° 07' 47"	10° 11' 50"	105° 06' 45"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 19"	105° 07' 17"	10° 11' 13"	105° 06' 15"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 11"	105° 04' 37"	10° 07' 19"	105° 03' 49"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Bờ Hồ	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 10' 05"	105° 05' 14"	10° 09' 20"	105° 06' 06"	C-48-43-C-a
kênh Đập Đá	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 07"	105° 08' 47"	10° 09' 20"	105° 06' 26"	C-48-43-C-a
kênh Kiên Hảo	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 13' 10"	105° 09' 49"	10° 05' 12"	105° 02' 39"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-b; C-48-43-C-c
kênh Ngã Cái	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 04' 49"	105° 04' 55"	10° 06' 23"	105° 05' 37"	C-48-43-C-c
Kênh Ranh	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 41"	105° 06' 20"	10° 07' 59"	105° 06' 55"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Thầy Thông	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 59"	105° 05' 11"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 56"	105° 04' 13"	10° 07' 43"	105° 03' 30"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Tư Tỷ	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 06' 31"	105° 08' 56"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
kênh Ze-rô	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 08' 13"	105° 01' 33"	10° 06' 19"	105° 03' 40"	C-48-43-C-c
Lung Mướp	TV	xã Mỹ Phước	H. Hòn Đất			10° 07' 54"	105° 05' 06"	10° 10' 33"	105° 05' 05"	C-48-43-C-a
ấp Mỹ Thái	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 14' 07"	105° 02' 00"					C-48-43-C-a
ấp Thái Hưng	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 15' 38"	105° 03' 14"					C-48-43-A-c
ấp Thái Tân	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 11' 26"	104° 59' 47"					C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thái Thịnh	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 16' 10"	105° 03' 38"					C-48-43-A-c
ấp Thái Tiến	DC	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất	10° 14' 50"	105° 02' 35"					C-48-43-A-c
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-42-D-b
Kênh 4	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-42-D-b
Kênh 6	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 7	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-42-B-d; C-48-43-C-a
Kênh 7,5	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 14' 47"	104° 58' 00"	10° 10' 50"	105° 03' 45"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 8,5	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 58' 08"	10° 13' 09"	105° 01' 11"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 10	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-43-C-a
Kênh 12	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 16' 28"	104° 59' 05"	10° 13' 47"	105° 03' 06"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
Kênh 13	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 17' 18"	104° 59' 41"	10° 15' 09"	105° 02' 47"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 15	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 18' 02"	105° 00' 12"	10° 13' 36"	105° 06' 05"	C-48-43-A-c
Kênh 16	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 18' 36"	105° 00' 38"	10° 15' 54"	105° 04' 54"	C-48-43-A-c
Kênh 3000	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 10' 30"	104° 56' 50"	10° 18' 12"	105° 02' 21"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hãng Đứng	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 16' 45"	105° 01' 18"	10° 15' 43"	105° 03' 15"	C-48-43-A-c
kênh Hãng Ngang	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 17"	105° 04' 14"	10° 11' 53"	105° 01' 36"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a
kênh Mỹ Thái	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 09' 33"	104° 58' 17"	10° 17' 09"	105° 04' 09"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Ranh Tỉnh	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 15' 15"	105° 07' 27"	10° 19' 01"	105° 00' 56"	C-48-43-A-c
Lung Mốp	TV	xã Mỹ Thái	H. Hòn Đất			10° 17' 40"	105° 03' 15"	10° 16' 02"	105° 03' 30"	C-48-43-A-c
ấp Cản Đất	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 35"	105° 02' 45"					C-48-43-C-a
ấp Mỹ Tân	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 51"	105° 04' 15"					C-48-43-C-a
ấp Nguyễn Văn Hanh	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 10' 13"	105° 03' 09"					C-48-43-C-a
ấp Số Bốn	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 03"	105° 02' 13"					C-48-43-C-a
ấp Sơn Thuận	DC	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 08' 06"	105° 01' 29"					C-48-43-C-a
nhà thờ Tân Lập	KX	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất	10° 09' 50"	105° 04' 09"					C-48-43-C-a
Kênh 1	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 51"	105° 02' 05"	10° 07' 05"	105° 04' 22"	C-48-43-C-a
Kênh 1	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 59"	104° 58' 38"	10° 07' 57"	105° 01' 20"	C-48-43-C-a
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-43-C-a
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 16"	105° 04' 31"	10° 09' 04"	105° 02' 40"	C-48-43-C-a
Kênh 2	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 28"	105° 02' 37"	10° 08' 20"	105° 03' 51"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a
Kênh 3	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 07"	105° 05' 19"	10° 10' 03"	105° 03' 11"	C-48-43-C-a
Kênh 4	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 4	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 10' 31"	105° 03' 30"	10° 09' 26"	105° 04' 38"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-43-C-a
Kênh 5	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 10' 45"	105° 03' 41"	10° 08' 44"	105° 05' 53"	C-48-43-C-a
Kênh 6	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-C-a
Kênh 7 Biết	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 05' 38"	105° 03' 03"	10° 07' 53"	105° 01' 16"	C-48-43-C-c
Kênh 100	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 14' 24"	105° 06' 52"	10° 08' 49"	105° 02' 07"	C-48-43-C-a
Kênh 750	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 49"	105° 05' 02"	10° 09' 35"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 500	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 11' 09"	105° 04' 24"	10° 08' 39"	105° 02' 19"	C-48-43-C-a
kênh Ba Thê	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 27"	105° 00' 54"	10° 15' 14"	105° 07' 28"	C-48-43-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 12' 23"	105° 03' 30"	10° 09' 01"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
kênh Đường Trâu	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 47"	105° 00' 58"	10° 08' 53"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a
kênh Năm Ninh	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 05' 51"	105° 02' 09"	10° 06' 50"	105° 03' 12"	C-48-43-C-c
kênh Quản Thống	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 02"	105° 01' 14"	10° 08' 28"	105° 02' 33"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
kênh Tư Hẵn	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 09' 22"	105° 02' 31"	10° 10' 03"	105° 01' 52"	C-48-43-C-a
kênh Ze-rô	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 13"	105° 01' 33"	10° 06' 19"	105° 03' 40"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
lung Cà Na	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 06' 50"	105° 03' 12"	10° 07' 52"	105° 01' 59"	C-48-43-C-a; C-48-43-C-c
Lung Mướp	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 07' 54"	105° 05' 06"	10° 10' 33"	105° 05' 05"	C-48-43-C-a
rạch Đường Trâu	TV	xã Mỹ Thuận	H. Hòn Đất			10° 08' 09"	105° 00' 22"	10° 09' 31"	105° 00' 57"	C-48-43-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hòa Thuận	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 32"	104° 58' 26"					C-48-42-B-d
ấp Hòa Tiến	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 17' 49"	105° 00' 06"					C-48-42-B-d
ấp Sơn An	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 16' 52"	104° 59' 20"					C-48-42-B-d
ấp Sơn Bình	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 16' 12"	104° 58' 54"					C-48-42-B-d
ấp Sơn Hòa	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 15' 01"	104° 58' 00"					C-48-42-B-d
ấp Sơn Lập	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 18' 40"	105° 00' 42"					C-48-43-A-c
ấp Sơn Nam	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 12' 25"	104° 56' 12"					C-48-42-D-b
ấp Sơn Tân	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 09"	104° 56' 44"					C-48-42-D-b
ấp Sơn Thái	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 13' 47"	104° 57' 11"					C-48-42-D-b
ấp Sơn Thành	DC	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất	10° 14' 37"	104° 57' 48"					C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-42-D-b
Kênh 4	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-42-D-b
Kênh 6	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 7	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b; C-48-42-B-c
Kênh 7,5	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 47"	104° 58' 00"	10° 10' 50"	105° 03' 45"	C-48-42-D-b
Kênh 8	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 59' 21"	10° 18' 01"	104° 53' 52"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 8,5	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 58' 08"	10° 13' 09"	105° 01' 11"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 9	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 14' 27"	104° 59' 40"	10° 18' 43"	104° 53' 40"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 10	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 11	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 53"	104° 52' 25"	10° 17' 32"	104° 57' 09"	C-48-42-B-d
Kênh 12	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 28"	104° 59' 05"	10° 14' 27"	105° 02' 13"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 13	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 17' 18"	104° 59' 41"	10° 15' 09"	105° 02' 47"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 15	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 02"	105° 00' 12"	10° 13' 36"	105° 06' 05"	C-48-43-A-c
Kênh 16	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 36"	105° 00' 38"	10° 15' 54"	105° 04' 54"	C-48-43-A-c
Kênh 165	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 48"	104° 55' 51"	10° 18' 58"	105° 01' 00"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh 750	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 48"	104° 59' 27"	10° 15' 58"	105° 00' 45"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
Kênh 750	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 18' 16"	105° 00' 30"	10° 17' 28"	105° 01' 49"	C-48-43-A-c
Kênh 3000	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 30"	104° 56' 50"	10° 18' 12"	105° 02' 21"	C-48-43-A-c; C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh Bao	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 20' 05"	104° 57' 09"	10° 15' 42"	104° 54' 11"	C-48-42-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cống Tư Vít	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 13' 13"	104° 52' 39"	10° 17' 42"	104° 53' 43"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
Kênh Giữa	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 17' 37"	105° 00' 02"	10° 16' 45"	105° 01' 18"	C-48-43-A-c
kênh H9	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 44"	104° 58' 39"	10° 12' 36"	104° 53' 37"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
kênh KD1	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 20"	105° 00' 25"	10° 12' 38"	104° 55' 36"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
kênh N2	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 16' 45"	104° 59' 17"	10° 17' 39"	104° 57' 59"	C-48-42-B-d
kênh Ninh Phước 2	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 19' 12"	105° 01' 02"	10° 21' 24"	104° 51' 46"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d
kênh Ranh Tỉnh	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 15"	105° 07' 27"	10° 19' 01"	105° 00' 56"	C-48-43-A-c
kênh Tri Tôn	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 25"	104° 55' 26"	10° 19' 12"	105° 01' 03"	C-48-43-A-c; C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
lung Sư Nam	TV	xã Nam Thái Sơn	H. Hòn Đất			10° 15' 10"	104° 53' 35"	10° 13' 33"	104° 53' 16"	C-48-42-B-d; C-48-42-D-b
ấp Giàn Gừa	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 06' 44"	104° 58' 23"					C-48-42-D-d+c
ấp Kinh Mới	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 06' 25"	104° 56' 44"					C-48-42-D-d+c
ấp Mương Kinh	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 07' 20"	104° 56' 55"					C-48-42-D-d+c
ấp Mương Kinh A	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 08' 26"	104° 58' 52"					C-48-42-D-b
ấp Vàm Biển	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 07' 57"	104° 59' 22"					C-48-42-D-b
ấp Xẻo Tràm	DC	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất	10° 07' 46"	104° 58' 13"					C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 969B	KX	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh 9	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Giàn Gừa	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 06' 55"	104° 58' 41"	10° 07' 58"	104° 57' 46"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh Mới	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 35"	104° 58' 02"	10° 06' 50"	104° 55' 33"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh Mới	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 24"	104° 57' 12"	10° 05' 55"	104° 57' 13"	C-48-42-D-d+c
kênh Mương Kinh	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 08' 28"	104° 56' 46"	C-48-42-D-b
kênh Ô Môi	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 47"	104° 59' 14"	10° 08' 23"	104° 57' 58"	C-48-42-D-b
kênh Ông Kiểm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 01"	104° 59' 23"	10° 06' 49"	104° 59' 57"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Ông Thần	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 58' 26"	10° 06' 35"	104° 55' 37"	C-48-42-D-d+c
Kênh Sóc	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 06' 44"	105° 01' 08"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Vàm Răng	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 35"	104° 59' 44"	10° 06' 01"	104° 59' 14"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Vạn Thanh	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 28"	104° 56' 47"	10° 07' 21"	104° 55' 18"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Rạch Củi	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 06' 45"	104° 57' 49"	10° 06' 16"	104° 58' 09"	C-48-42-D-d+c
rạch Mương Khâm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 06' 59"	104° 55' 59"	10° 05' 42"	104° 56' 19"	C-48-42-D-d+c
Rạch Phoóc	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 20"	104° 55' 19"	10° 05' 37"	104° 55' 52"	C-48-42-D-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Sậy	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 16"	104° 56' 43"	10° 06' 20"	104° 56' 59"	C-48-42-D-d+c
rạch Tà Cóc	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 08' 05"	105° 00' 09"	10° 07' 45"	104° 59' 31"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
rạch Tà Kiết	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 33"	104° 58' 17"	10° 08' 24"	104° 59' 03"	C-48-42-D-b
rạch Thông Vàm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 10"	104° 56' 29"	10° 06' 17"	104° 56' 44"	C-48-42-D-d+c
rạch Xẻo Dứa	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 44"	104° 58' 10"	10° 08' 30"	104° 58' 43"	C-48-42-D-b
rạch Xẻo Tràm	TV	xã Sơn Bình	H. Hòn Đất			10° 07' 15"	104° 58' 28"	10° 07' 51"	104° 59' 06"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
ấp Kiên Bình	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 11' 47"	105° 00' 08"					C-48-43-C-a
ấp Số Tám	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 09' 42"	104° 57' 58"					C-48-42-D-b
ấp Tà Lóc	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 09' 11"	104° 58' 45"					C-48-42-D-b
ấp Vàm Răng	DC	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 08' 23"	104° 59' 56"					C-48-42-D-b
Quốc lộ 80	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-D-b; C-48-43-C-c
Đường tỉnh 969B	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-b
cầu Kiên Bình	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 09' 18"	104° 58' 36"					C-48-42-D-b
cầu Tà Lúa	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 08' 07"	105° 00' 21"					C-48-43-C-a
cầu Vàm Răng	KX	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất	10° 08' 33"	104° 59' 42"					C-48-42-D-b
Kênh 1	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 13' 07"	104° 53' 59"	10° 09' 54"	104° 58' 33"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 1	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 59"	104° 58' 38"	10° 07' 57"	105° 01' 20"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 2	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 13' 33"	104° 54' 19"	10° 08' 23"	105° 01' 41"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 14' 00"	104° 54' 39"	10° 08' 46"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 4	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 14' 26"	104° 54' 58"	10° 09' 15"	105° 02' 25"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 14' 53"	104° 55' 17"	10° 09' 39"	105° 02' 45"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
Kênh 6	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 15' 19"	104° 55' 36"	10° 10' 03"	105° 03' 05"	C-48-43-C-a
Kênh 7	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 10' 34"	105° 03' 32"	10° 18' 12"	104° 52' 27"	C-48-43-C-a
Kênh 9	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b
Kênh 10	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 11' 41"	105° 04' 28"	10° 19' 33"	104° 53' 24"	C-48-43-C-a
Kênh 200	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 12"	104° 58' 31"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-b
kênh Bộ Đội	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 12' 23"	105° 03' 30"	10° 09' 01"	105° 00' 46"	C-48-43-C-a
kênh Cấp 1	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 13' 18"	105° 02' 12"	10° 10' 51"	105° 00' 02"	C-48-43-C-a
kênh Đường Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 47"	105° 00' 58"	10° 08' 53"	105° 02' 01"	C-48-43-C-a
kênh Hai Huỳnh	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 25"	105° 00' 01"	10° 08' 56"	105° 00' 10"	C-48-43-C-a
kênh Hãng Ngang	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 15' 17"	105° 04' 14"	10° 11' 53"	105° 01' 36"	C-48-43-C-a
kênh Mương Kinh	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 08' 28"	104° 56' 46"	C-48-42-D-b
kênh Mỹ Thái	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 33"	104° 58' 17"	10° 17' 09"	105° 04' 09"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Số 7	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 36"	10° 08' 35"	104° 58' 02"	C-48-42-D-b
Kênh Sóc	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 15"	104° 59' 31"	10° 06' 44"	105° 01' 08"	C-48-43-C-a; C-48-42-D-b
kênh Vàm Răng	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 35"	104° 59' 44"	10° 06' 01"	104° 59' 14"	C-48-42-D-b
lung Mương Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 10' 38"	104° 58' 29"	10° 09' 21"	104° 57' 47"	C-48-42-D-b
rạch Đường Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 50"	105° 00' 33"	10° 09' 48"	105° 00' 35"	C-48-43-C-a
rạch Đường Trâu	TV	xã Sơn Kiên	H. Hòn Đất			10° 08' 09"	105° 00' 22"	10° 09' 31"	105° 00' 57"	C-48-43-C-a
ấp Bến Đá	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 09' 53"	104° 53' 60"					C-48-42-D-b
ấp Hòn Đất	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 05' 57"	104° 53' 19"					C-48-42-D-d+c
ấp Hòn Me	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 28"	104° 53' 28"					C-48-42-D-d+c
ấp Hòn Quéo	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 56"	104° 52' 33"					C-48-42-D-a
ấp Hòn Sóc	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 09' 04"	104° 54' 14"					C-48-42-D-b
ấp Vạn Thanh	DC	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 34"	104° 54' 15"					C-48-42-D-d+c
Đường tỉnh 969	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 18"	104° 55' 34"	10° 07' 12"	104° 53' 13"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Đường tỉnh 969B	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 19"	104° 58' 35"	10° 12' 21"	104° 53' 56"	C-48-42-D-d+c
cầu Hòn Me	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 07' 19"	104° 53' 13"					C-48-42-D-d+c
Khu di tích lịch sử và thắng cảnh Ba Hòn (Hòn Me; Hòn Đất; Hòn Quéo)	KX	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 21"	104° 53' 34"					C-48-42-D-d+c
núi Hòn Đất	SV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 06"	104° 53' 48"					C-48-42-D-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hòn Me	SV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 06' 53"	104° 53' 09"					C-48-42-D-d+c
núi Hòn Sóc	SV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất	10° 09' 20"	104° 54' 02"					C-48-42-D-b
Kênh 2	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 35"	104° 53' 12"	10° 10' 25"	104° 54' 57"	C-48-42-D-b
Kênh 3	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 58"	104° 52' 53"	10° 09' 55"	104° 54' 37"	C-48-42-D-b
Kênh 5	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 35"	104° 52' 22"	10° 09' 48"	104° 53' 37"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-b
Kênh 7	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 24"	104° 52' 47"	10° 08' 48"	104° 53' 43"	C-48-42-D-b
Kênh 9	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 18"	104° 57' 06"	10° 06' 44"	104° 54' 33"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh 10	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 31"	104° 56' 30"	10° 07' 10"	104° 54' 14"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
Kênh 11	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 18"	104° 53' 08"	10° 10' 49"	104° 56' 02"	C-48-42-D-d+c; C-48-42-D-b
Kênh 200	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 47"	104° 55' 21"	10° 09' 21"	104° 54' 23"	C-48-42-D-b
Kênh 500	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 21"	104° 56' 44"	10° 07' 00"	104° 54' 26"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Đường Hòn	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 11' 19"	104° 55' 34"	10° 09' 31"	104° 54' 21"	C-48-42-D-b
kênh Hòn Me	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 19"	104° 53' 24"	10° 06' 33"	104° 54' 29"	C-48-42-D-d+c
kênh Hòn Quéo	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 06' 46"	104° 51' 43"	10° 07' 18"	104° 53' 08"	C-48-42-D-b; C-48-42-D-d+c
kênh Hòn Sóc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 09' 31"	104° 54' 21"	10° 07' 32"	104° 53' 47"	C-48-42-D-b
kênh Hòn Sóc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 38"	104° 54' 31"	10° 07' 41"	104° 54' 58"	C-48-42-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hòn Sóc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 28"	104° 56' 46"	10° 09' 26"	104° 54' 28"	C-48-42-D-b
kênh K11	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 50"	104° 51' 10"	10° 07' 19"	104° 53' 09"	C-48-42-D-a; C-48-42-D-d+c
kênh K9	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 05"	104° 53' 25"	10° 09' 25"	104° 51' 25"	C-48-42-D-b
kênh Suối Tiên	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 08' 14"	104° 55' 37"	10° 09' 04"	104° 54' 19"	C-48-42-D-b
kênh Vạn Thanh	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 20"	104° 55' 19"	10° 05' 23"	104° 54' 58"	C-48-42-D-d+c
rạch Cống Hòn	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 10' 11"	104° 52' 15"	10° 09' 45"	104° 53' 36"	C-48-42-D-b
Rạch Mũi	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 05' 29"	104° 54' 24"	10° 05' 14"	104° 54' 00"	C-48-42-D-d+c
Rạch Phoóc	TV	xã Thổ Sơn	H. Hòn Đất			10° 07' 20"	104° 55' 19"	10° 05' 37"	104° 55' 52"	C-48-42-D-d+c
khu phố Ba Hòn	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 14' 40"	104° 35' 12"					C-48-42-C-a
khu phố Cư Xá	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 10"	104° 38' 43"					C-48-42-A-d
khu phố Cư Xá Mới	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 06"	104° 38' 32"					C-48-42-C-a
khu phố Hòa Lập	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 06"	104° 35' 15"					C-48-42-A-c
khu phố Kiên Tân	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 10"	104° 35' 32"					C-48-42-C-a
khu phố Lò Bom	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 44"	104° 37' 39"					C-48-42-A-d
khu phố Lung Kha Na	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 27"	104° 37' 56"					C-48-42-C-a
khu phố Ngã Ba	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 13"	104° 38' 28"					C-48-42-A-d
khu phố Tám Thước	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 14"	104° 37' 05"					C-48-42-C-a
khu phố Xà Ngách	DC	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 40"	104° 36' 15"					C-48-42-C-a
Quốc lộ 80	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
Đường tỉnh 971	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 15' 03"	104° 35' 20"	10° 08' 48"	104° 37' 32"	C-48-42-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu An Bình	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 20"	104° 37' 10"					C-48-42-A-c
cầu Ba Hòn	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 02"	104° 35' 14"					C-48-42-A-c
cầu Cống Tre	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 17' 16"	104° 39' 00"					C-48-42-A-d
cầu Mo So	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 13' 47"	104° 35' 21"					C-48-42-C-a
cống Ba Hòn	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 15' 23"	104° 35' 44"					C-48-42-C-b
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 14"	104° 37' 07"					C-48-42-A-c
Nhà máy Xi măng Kiên Lương	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 23"	104° 37' 01"					C-48-42-A-c
Xí nghiệp Lắp máy 18-2	KX	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 10"	104° 37' 01"					C-48-42-A-c
núi Ba Hòn	SV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 14' 56"	104° 34' 57"					C-48-42-C-a
núi Châu Hang	SV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 27"	104° 36' 48"					C-48-42-A-c
hồ Cống Tre	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 48"	104° 38' 30"					C-48-42-A-d
hồ nước ngọt Kiên Lương	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương	10° 16' 13"	104° 37' 53"					C-48-42-A-d
Kênh 22	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 14' 24"	104° 37' 20"	10° 13' 46"	104° 35' 18"	C-48-42-C-a
Kênh 3000	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 53"	104° 38' 14"	10° 16' 04"	104° 38' 57"	C-48-42-A-d
kênh An Bình	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 12' 54"	104° 39' 08"	10° 16' 01"	104° 37' 23"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d; C-48-42-C-b
kênh Ba Hòn - Kiên Lương	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 17' 19"	104° 38' 31"	10° 14' 50"	104° 34' 58"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d; C-48-42-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cống Tre	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 13' 56"	104° 38' 52"	10° 17' 17"	104° 38' 59"	C-48-42-A-d
kênh Lung Kha Na	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 49"	104° 38' 55"	10° 13' 55"	104° 37' 09"	C-48-42-A-d; C-48-42-C-a; C-48-42-C-b
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-42-A-d
kênh Sáng Múc	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 15' 26"	104° 35' 49"	10° 15' 25"	104° 34' 50"	C-48-42-A-c
kênh Tà Săng	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 09"	104° 36' 51"	10° 16' 14"	104° 34' 16"	C-48-42-A-c
kênh Tám Thước	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 11' 31"	104° 40' 35"	10° 16' 21"	104° 37' 09"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-d
kênh Tạo Nguồn	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10° 16' 56"	104° 38' 59"	10° 17' 05"	104° 40' 19"	C-48-42-A-d
rạch Khoe Lá	TV	TT. Kiên Lương	H. Kiên Lương			10°13'53"	104°37'02"	10° 13' 40"	104° 36' 31"	C-48-42-C-a

(Xem tiếp Công báo số 713 + 714)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng